

BÁO CÁO
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Về việc: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025

Ban Điều hành (“BĐH”) xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) về kết quả hoạt động kinh doanh của HSC trong năm 2025.

A. Thị trường chứng khoán Việt Nam

Năm 2025 ghi nhận thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam có sự bứt phá về cả điểm số và thanh khoản, được thúc đẩy bởi tăng trưởng kinh tế vĩ mô mạnh mẽ với các bước tiến lớn về mặt thể chế.

- VN Index cuối năm 2025 đạt 1.785 điểm, tăng hơn 40% so với năm 2024. Nhóm cổ phiếu Vingroup (VIC, VHM, VRE, VPL) là động lực chính, đóng góp hơn 70% mức tăng chung.
- Thanh khoản có sự sôi động vượt bậc với giá trị giao dịch bình quân ngày đạt 29.000 tỷ đồng (+39% so với cùng kỳ). Các phiên giao dịch trên 40.000 tỷ đồng xuất hiện thường xuyên.
- TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng Thị trường Mới nổi Thứ cấp vào ngày 08/10/2025 và vận hành thành công hệ thống KRX từ ngày 05/05/2025.

TTCK Việt Nam Đơn vị tính: ngàn tỷ đồng	Năm 2025	Năm 2024	% Thay đổi
Giá trị giao dịch toàn thị trường	7.267	5.250	38%
Giá trị giao dịch bình quân ngày	29	21	39%
Thị phần khối ngoại (%)	11%	10%	
Mua (Bán) ròng của khối ngoại	-135	-92	47%

B. Kết quả hoạt động kinh doanh của HSC trong năm 2025

Lợi nhuận trước thuế năm 2025 của HSC đạt 1.474 tỷ đồng, tăng 14% so với năm 2024 và hoàn thành 92% kế hoạch năm. Trong đó:

- Doanh thu cả năm 2025 đạt 4.366 tỷ đồng, tăng 32% so với năm 2024.
- Chi phí hoạt động được kiểm soát tốt.

Lợi nhuận trên vốn cổ phần (ROE) đạt 12% nhờ vào lợi nhuận tăng trưởng tốt.

Thu nhập trên cổ phần (EPS) đạt 1.468 đồng, giảm 10% do có vốn mới được đưa vào sử dụng vào cuối năm.

Kết quả kinh doanh Đơn vị tính: tỷ đồng	Năm 2025	Năm 2024	% Thay đổi
Doanh thu (*)	4.366	3.311	32%
Chi phí hoạt động (*)	2.891	2.016	43%
Lợi nhuận trước thuế	1.474	1.296	14%
Lợi nhuận sau thuế	1.179	1.040	13%
Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	12%	11%	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (triệu cổ)	1.080	720	50%

Kết quả kinh doanh Đơn vị tính: tỷ đồng	Năm 2025	Năm 2024	% Thay đổi
phiếu)			
Thu nhập trên 1 cổ phiếu (EPS) – (đồng)	1.468	1.637	-10%
Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu (đồng)	13.469	14.506	-7%

(*) Lãi và lỗ từ hoạt động tự doanh được cân trừ cho nhau để số liệu mang tính so sánh.

Doanh thu của từng mảng kinh doanh năm 2025 so sánh với năm 2024 như sau:

Doanh thu Đơn vị tính: tỷ đồng	Năm 2025	Năm 2024	% Thay đổi
Môi giới chứng khoán	1.189	848	40%
Cho vay ký quỹ	2.395	1.714	40%
Hoạt động tự doanh	660	666	-1%
Tư vấn tài chính	74	60	24%
Doanh thu khác	47	23	101%
Tổng doanh thu	4.366	3.311	32%

1. Môi giới chứng khoán

Dịch vụ môi giới chứng khoán vẫn là mảng kinh doanh cốt lõi của HSC. Doanh thu phí môi giới đạt 1.189 tỷ đồng, chiếm 27% tổng doanh thu năm 2025 (năm 2024: 26%) và tăng 40% so với năm 2024. Kết quả này có được nhờ sự gia tăng thị phần của HSC và sự bùng nổ thanh khoản của toàn thị trường.

2. Cho vay ký quỹ

Nhờ vào sự linh hoạt trong mô hình quản lý rủi ro cho vay ký quỹ và có sự chuẩn bị tốt về nguồn vốn, số dư cho vay ký quỹ cuối năm 2025 của HSC đạt hơn 28 ngàn tỷ đồng, tăng 38% so với năm 2024.

HSC duy trì quan điểm thận trọng trong hoạt động cho vay ký quỹ và thường xuyên đánh giá rủi ro của danh mục chứng khoán cho vay.

3. Hoạt động Tự doanh

Phần lớn hoạt động tự doanh là tạo lập thị trường cho các quỹ chỉ số ETF và phát hành chứng quyền có đảm bảo. Trong năm 2025, doanh thu thuần của hoạt động tự doanh đạt 660 tỷ đồng, tương đương năm 2024.

4. Tư vấn Tài chính

Hoạt động Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp ghi nhận sự khởi sắc, đạt doanh thu 74 tỷ đồng trong năm 2025, tăng 24% so với năm 2024.



C. Tình hình tài chính

Tổng tài sản tại thời điểm cuối năm 2025 đạt gần 46.500 tỷ đồng, tăng 48% so với cuối năm 2024 chủ yếu do tăng quy mô cho vay ký quỹ, mở rộng danh mục tài sản tài chính và tiền gửi đảm bảo thanh toán.

Nguồn vốn cuối năm tăng lên mức 14.543 tỷ đồng do được bổ sung 3.600 tỷ đồng vốn mới từ tháng 10/2025. Bên cạnh đó, HSC cũng tăng nguồn vốn từ vay ngắn hạn để bổ sung cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

STT	Bảng cân đối kế toán Đơn vị tính: tỷ đồng	Năm 2025	Năm 2024	% Thay đổi
A	Tài sản ngắn hạn	46.331	31.172	49%
I	Tài sản tài chính	46.274	30.942	50%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.702	2.024	83%
2	Tài sản tài chính	13.766	7.931	74%
3	Các khoản cho vay	28.150	20.429	38%
4	Các khoản phải thu khác	656	558	18%
II	Tài sản ngắn hạn khác	58	230	-75%
B	Tài sản dài hạn	168	167	0%
	TỔNG TÀI SẢN	46.499	31.340	48%
A	Nợ phải trả	31.956	20.896	53%
I	Nợ phải trả ngắn hạn	31.956	20.896	53%
1	Vay ngắn hạn	30.889	20.430	51%
2	Phải trả khác	1.067	466	128%
B	Vốn chủ sở hữu	14.543	10.444	39%
I	Vốn chủ sở hữu	14.543	10.444	39%
	TỔNG NGUỒN VỐN	46.499	31.340	48%

Trên đây là kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Kính trình Đại Hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua.

TM. CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN TP.HCM
TỔNG GIÁM ĐỐC



TRỊNH HOÀI GIANG

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vp. HĐQT

BÁO CÁO
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Về việc: Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2026

Ban Điều hành (“BDH”) trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) về kế hoạch kinh doanh năm 2026 của HSC.

A. Thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2026

Trên cơ sở quy mô thị trường của năm 2025, HSC dự đoán một số yếu tố của thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2026 như sau:

Thị trường chứng khoán Đơn vị tính: ngàn tỷ đồng	Dự đoán năm 2026	Năm 2025	% Thay đổi	Dự đoán Q1/2026
Giá trị giao dịch bình quân hàng ngày	37	29	28%	35
Giá trị giao dịch của nhà đầu tư trong nước	15.900	12.940	23%	3.500
% toàn thị trường	86%	89%		87%
Giá trị giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài	2.590	1.594	62%	524
% toàn thị trường	14%	11%		13%

B. Kế hoạch kinh doanh năm 2026

HSC đặt mục tiêu kinh doanh cho năm tài chính 2026 như sau:

- Doanh thu dự kiến đạt 6.570 tỷ đồng, tăng 50% so với năm 2025.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 2.302 tỷ đồng, tăng 56% so với năm 2025.

Lợi nhuận trên vốn cổ phần (ROE) dự kiến đạt 13% với kỳ vọng tăng trưởng về lợi nhuận từ các mảng kinh doanh và vốn mới tăng vào cuối năm 2025 được sử dụng hiệu quả trong năm 2026.

Thu nhập trên cổ phần (EPS) dự đoán đạt 1.705 đồng/cổ phiếu, tăng 16% so với năm 2025.

Kết quả kinh doanh Đơn vị tính: tỷ đồng	Kế hoạch năm 2026	Năm 2025	% Thay đổi	Dự đoán Q1/2026
Doanh thu (*)	6.567	4.366	50%	1.264
Chi phí hoạt động (*)	4.265	2.891	48%	908
Lợi nhuận trước thuế	2.302	1.474	56%	356
Lợi nhuận sau thuế	1.841	1.179	56%	285
Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	13%	12%		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (triệu cổ phiếu)	1.080	1.080		
Thu nhập trên 1 cổ phiếu (EPS) – (đồng)	1.705	1.468	16%	
Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu (đồng)	14.171	13.469	5%	

(*) Lãi và lỗ từ hoạt động tự doanh được căn trừ cho nhau để số liệu mang tính so sánh.

Doanh thu của từng mảng kinh doanh năm 2026 so sánh với năm 2025 được trình bày chi tiết như sau:

Doanh thu Đơn vị tính: tỷ đồng	Kế hoạch năm 2026	Năm 2025	% Thay đổi	Dự đoán Q1/2026
Môi giới chứng khoán	1.635	1.189	38%	312
Cho vay ký quỹ	3.853	2.395	61%	777
Hoạt động tự doanh	859	660	30%	162
Tư vấn tài chính	175	74	136%	2
Doanh thu khác	45	47	-4%	11
Tổng doanh thu	6.567	4.366	50%	1.264

1. Môi giới chứng khoán

HSC đặt mục tiêu doanh thu phí môi giới năm 2026 là 1.635 tỷ đồng, tăng 38% so với năm 2025. Hoạt động môi giới kỳ vọng sẽ tăng trưởng nhờ vào:

- Tiếp tục đẩy mạnh các chương trình ưu đãi và chính sách thưởng kinh doanh linh hoạt nhằm thúc đẩy giao dịch của các khách hàng hiện hữu và thu hút thêm các khách hàng mới.
- Liên tục cải tiến, hoàn thiện các tính năng trên nền tảng giao dịch trực tuyến do HSC tự xây dựng – HSC ONE (ONE PRO, ONE Advisory, ONE Trade,...) để cá nhân hóa các sản phẩm, dịch vụ theo nhu cầu của từng phân khúc khách hàng.
- Tập trung vào các thương vụ giá trị cao và tham gia vào các giao dịch lớn trên thị trường.

2. Cho vay ký quỹ

Tận dụng tối đa nguồn vốn mới để đáp ứng nhu cầu margin dự báo sẽ tăng cao trong năm 2026. Việc linh hoạt trong mô hình quản lý cho vay ký quỹ để hỗ trợ tốt nhất cho nhu cầu giao dịch của khách hàng. Bên cạnh đó, HSC vẫn sẽ tiếp tục kiên định áp dụng các chính sách quản trị rủi ro theo hướng thận trọng để đảm bảo an toàn vốn trong hoạt động cho vay ký quỹ.

3. Hoạt động Tự doanh

Tập trung vào các hoạt động tạo lập thị trường và phát hành chứng quyền, phòng ngừa rủi ro và hỗ trợ giao dịch cho khách hàng. Trong năm 2026, trong điều kiện thị trường thuận lợi, mảng tự doanh phần đầu đạt mức sinh lời cao hơn so với mức tăng trưởng của chỉ số VN30.

4. Tư vấn Tài chính

HSC đã và đang có sự chuẩn bị tốt, cả về đội ngũ nhân sự và danh mục các thương vụ tư vấn, nhằm tận dụng được cơ hội từ sự tăng trưởng của thị trường trong năm 2026. Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp kỳ vọng đem về doanh thu khả quan với các thương vụ IPO và M&A đã có trong kế hoạch năm 2026 cũng như thực hiện các giao dịch lớn liên quan đến cổ phiếu niêm yết.

66 - C
CÔNG T
CỔ PHẦN
NG KH
ÁNH PH
CHÍ MI
1 - T.P.V

C. Dự phóng tình hình tài chính năm 2026

Tổng tài sản cuối năm 2026 dự kiến đạt 47.200 tỷ đồng, tăng 2% so với cuối năm 2025. Tổng tài sản chủ yếu sẽ bao gồm khoản cho vay ký quỹ, tài sản tài chính và tiền gửi đảm bảo thanh toán. Kế hoạch sử dụng và huy động vốn chính trong năm 2026 như sau:

- Tối ưu hóa lợi thế từ nguồn vốn mới để tăng quy mô hoạt động cho vay ký quỹ và hoạt động tự doanh mà chủ yếu là hoạt động tạo lập thị trường và phòng ngừa rủi ro.
- Chủ động cân đối cơ cấu nợ vay để tối ưu hóa chi phí vốn trong bối cảnh lãi suất biến động.

STT	Bảng cân đối kế toán Đơn vị tính: tỷ đồng	Dự đoán tại 31/12/2026	31/12/2025	% Thay đổi
A	Tài sản ngắn hạn	47.000	46.331	1%
I	Tài sản tài chính	46.932	46.273	1%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	2.000	3.702	-46%
2	Tài sản tài chính	13.266	13.766	-4%
3	Các khoản cho vay	31.000	28.150	10%
4	Các khoản phải thu khác	666	655	2%
II	Tài sản ngắn hạn khác	68	58	17%
B	Tài sản dài hạn	200	168	19%
	TỔNG TÀI SẢN	47.200	46.499	2%
A	Nợ phải trả	31.679	31.956	-1%
I	Nợ phải trả ngắn hạn	31.679	31.956	-1%
1	Vay ngắn hạn	30.612	30.889	-1%
2	Phải trả khác	1.067	1.067	0%
B	Vốn chủ sở hữu	15.521	14.543	7%
I	Vốn chủ sở hữu	15.521	14.543	7%
	TỔNG NGUỒN VỐN	47.200	46.499	2%

Trên đây là kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2026 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Kính trình Đại Hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua.

TM. CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN TP.HCM
TỔNG GIÁM ĐỐC



TRỊNH HOÀI GIANG

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vp. HĐQT

BÁO CÁO
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Về việc: Thẩm tra hoạt động công ty năm 2025 của Ban Kiểm soát

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

1. Về nhân sự và các cuộc họp Ban Kiểm soát

Ban Kiểm Soát (“BKS”) bao gồm ba (“03”) thành viên, trong đó có một (“01”) trưởng ban và hai (“02”) kiểm soát viên, với tư cách là đại diện cổ đông tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, và kiến nghị những thay đổi cần thiết trong các lĩnh vực quản trị rủi ro, nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp tại HSC.

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV BKS	Ngày không còn là TV BKS
1	Bà Đặng Nguyệt Minh	Trưởng ban	22/04/2021	
2	Ông Trần Thái Phương	Thành viên	25/04/2023	
3	Bà Nguyễn Thị Xuân Dung	Thành viên	28/06/2024	

BKS đã thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ HSC, Quy chế quản trị về tổ chức và hoạt động của BKS, góp phần cùng Ban Điều hành (“BĐH”) HSC triển khai kế hoạch kinh doanh và các nội dung liên quan được Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thông qua.

Trong năm 2025, BKS đã thực hiện ba (“03”) cuộc họp. Trong các cuộc họp, các thành viên BKS tham dự đầy đủ, cùng thảo luận trao đổi các vấn đề liên quan đến công tác kiểm tra giám sát để đi đến thống nhất.

2. Thù lao của Ban Kiểm soát

Tổng thù lao của BKS năm 2025 là 1.033.846.148 đồng (Một tỷ lẻ ba mươi ba triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn một trăm bốn mươi tám đồng) (đã bao gồm Thuế thu nhập cá nhân).

3. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát thực hiện công tác giám sát với trọng tâm vào các lĩnh vực sau:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị và việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nhằm bảo đảm các quyết định quản trị và điều hành được thực hiện phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và định hướng đã được thông qua.
- Giám sát tình hình hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty, tập trung vào mức độ an toàn tài chính, khả năng thanh khoản và chất lượng tăng trưởng.
- Giám sát thông qua việc tiếp nhận báo cáo và làm việc trực tiếp với Công ty Kiểm toán độc lập – Công ty TNHH PwC (Việt Nam), nhằm bảo đảm tính minh bạch và độ tin cậy của thông tin tài chính.
- Giám sát hoạt động của Kiểm toán nội bộ, đánh giá mức độ phù hợp và hiệu quả của các hoạt động kiểm toán nội bộ trong việc hỗ trợ quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ.
- Giám sát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin và nghĩa vụ tuân thủ pháp luật của Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2025

1. Giám sát hoạt động của HĐQT năm 2025 và tình hình thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025

Trong năm 2025, HĐQT tổ chức năm mươi một (“51”) cuộc họp trong đó có bốn mươi lăm (“45”) cuộc họp tập trung/ họp trực tuyến và sáu (“06”) cuộc họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Tại các cuộc họp, BKS đã nắm bắt tình hình hoạt động thực tế của HSC và đóng góp ý kiến cùng với HĐQT, BĐH trong việc thúc đẩy các mục tiêu đã được phê duyệt vào ĐHĐCĐ năm 2025.

Các nội dung được HĐQT xem xét và quyết nghị trong năm tập trung vào các nhóm trọng tâm, bao gồm:

- Định hướng và giám sát hoạt động kinh doanh;
- Các quyết định về nhân sự cấp cao và tổ chức quản trị;
- Huy động vốn, phân phối lợi nhuận và các chính sách tài chính;
- Các hoạt động phát hành, đầu tư và giao dịch quan trọng.

Trên cơ sở giám sát, BKS nhận thấy các nội dung được HĐQT xem xét và thông qua trong năm 2025 tập trung vào các vấn đề trọng yếu, phù hợp với thẩm quyền và định hướng đã được ĐHĐCĐ phê duyệt. BKS phối hợp với HĐQT và đóng góp ý kiến nhằm bảo đảm các quyết định được ban hành phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và lợi ích chung của các bên liên quan.

2. Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính năm 2025

Năm 2025, BKS đã tham dự hai buổi họp kết thúc niên độ năm tài chính 2024 và giữa niên độ năm 2025 cùng với Kiểm toán độc lập của HSC - Công ty TNHH PwC (Việt Nam) để trao đổi về phạm vi kiểm toán, kết quả kiểm toán. Theo đó, các hoạt động của HSC rõ ràng, minh bạch, không phát hiện những vi phạm nghiêm trọng nào về kế toán, tài chính, cũng như quy trình hoạt động.

BKS đã tiến hành phân tích Báo cáo tài chính hàng quý/ cuối năm tài chính, Báo cáo soát xét tỷ lệ vốn khả dụng. Về mặt an toàn tài chính, HSC đạt tiêu chuẩn cao về tính thanh khoản và các tỷ lệ liên quan đến cơ cấu vốn. Tỷ lệ an toàn tài chính của HSC theo quy định của Bộ Tài chính vào cuối tháng 12/2025 đạt 502% (tại ngày 31/12/2024 là 571%), cao hơn 2,8 lần so với yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ở mức 180%.

Trong năm 2025, PwC cung cấp các dịch vụ kiểm toán cho HSC như sau:

Dịch vụ kiểm toán và đảm bảo	Phí dịch vụ (đã bao gồm 8% VAT)
Soát xét Báo cáo tài chính (“BCTC”) và Báo cáo tỷ lệ An toàn tài chính giữa niên độ, kiểm toán BCTC và Báo cáo tỷ lệ An toàn tài chính cuối năm	1.122.120.000 đồng
Kiểm toán Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu liên quan đến sự kiện chào bán cổ phiếu ra công chúng tại ngày 8 tháng 10 năm 2025	59.400.000 đồng

Tổng cộng phí dịch vụ kiểm toán và đảm bảo 1.181.520.000 đồng
(*) Ghi chú: Phí dịch vụ được dựa trên giá trị hợp đồng đã ký kết và không bao gồm phụ phí phát sinh

Ngoài các dịch vụ cung cấp nêu trên, PwC không cung cấp thêm bất kỳ dịch vụ phi kiểm toán và đảm bảo nào khác cho HSC.

Về kết quả tài chính năm 2025

- Doanh thu: HSC đạt 4.366 tỷ đồng trong năm 2025, tăng 32% so với năm 2024 và đạt 98% kế hoạch (kế hoạch: 4.438 tỷ đồng).
- Lợi nhuận sau thuế: HSC ghi nhận 1.179 tỷ đồng trong năm 2025, tăng 13% so với năm 2024 và đạt 92% kế hoạch (kế hoạch: 1.282 tỷ đồng).

Qua công tác giám sát, các mảng kinh doanh của HSC được đánh giá duy trì mức tăng trưởng ổn định và không phát sinh rủi ro trọng yếu. Cụ thể như sau:

- Hoạt động giao dịch và thanh khoản thị trường tăng với giá trị giao dịch trung bình hằng ngày đạt khoảng 29.183 tỷ đồng trong năm 2025 so với 20.999 tỷ đồng trong năm 2024 (tương đương tăng 39%) ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động kinh doanh của HSC.
- Doanh thu phí môi giới đạt 1.189 tỷ đồng, tăng 341 tỷ đồng tương đương tăng 40% so với năm 2024 và chiếm 27% tổng doanh thu của HSC.
 - Trong đó: phí môi giới chứng khoán cơ sở đạt 1.150 tỷ đồng, tăng 40% và phí môi giới phái sinh đạt 39 tỷ đồng, tăng 33%.
- Doanh thu từ các hoạt động cho vay ký quỹ đạt 2.395 tỷ đồng, tăng 681 tỷ đồng tương đương tăng 40% so với cùng kỳ và chiếm 55% tổng doanh thu của HSC.
 - Lãi suất cho vay ký quỹ trung bình giảm 0,6% xuống còn mức 9,4%/năm so với mức 10%/năm trong năm 2024. Mức giảm lãi suất cho vay ký quỹ nằm trong kế hoạch kinh doanh năm 2025 của HSC.
 - Dự nợ bình quân cho vay ký quỹ của HSC năm 2025 đạt 25.403 tỷ đồng, tăng 8.224 tỷ đồng tương đương tăng 107% so với dự nợ bình quân năm 2024.
- Doanh thu từ hoạt động đầu tư tự doanh đạt 660 tỷ đồng với tỷ suất sinh lời bình quân đạt 6,1%/năm, giảm 6 tỷ đồng tương đương giảm 1% so với năm 2024 và đóng góp 15% vào tổng doanh thu của HSC.
- Doanh thu từ mảng tư vấn tài chính doanh nghiệp đạt 74 tỷ đồng, tăng 14 tỷ đồng tương đương tăng 24% so với năm 2024 và chiếm 2% tổng doanh thu của HSC. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính tăng do Công ty hoàn tất các thương vụ tư vấn lớn trong năm 2025 nhiều hơn đáng kể so với năm 2024.

Diễn biến chi phí hoạt động được ghi nhận tăng tương ứng với quy mô và tốc độ tăng trưởng doanh thu, tổng chi phí hoạt động trong năm 2025 của HSC tăng 43% so với kế hoạch là phù hợp. Chi phí quản lý năm 2025 của HSC tăng 20% so với năm 2024 phù hợp với sự vận hành và phát triển của Công ty.

Trên cơ sở công tác giám sát năm 2025, BKS đánh giá Thị trường Chứng khoán Việt Nam bước sang giai đoạn phát triển mới sau khi FTSE Russell chính thức nâng hạng Việt Nam lên Thị trường Mới nổi, qua đó đặt ra các yêu cầu cao hơn về minh bạch, quản trị rủi ro và chất lượng dịch vụ. Trong bối cảnh đó, HSC đã chủ động tăng cường năng lực nghiên cứu, hệ thống vận hành và quản trị rủi ro nhằm đáp ứng các chuẩn mực thị trường và kỳ vọng ngày càng cao của nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Bên cạnh các mảng kinh doanh cốt lõi, HSC tiếp tục tham gia các giao dịch thị trường vốn và tư vấn tài chính doanh nghiệp trong năm 2025, bao gồm hoạt động phân phối trong các đợt chào bán ra công chúng và tư vấn các giao dịch M&A có quy mô lớn. Các hoạt động này được triển khai phù hợp với quy định pháp luật, góp phần đa dạng hóa nguồn thu và phản ánh năng lực tham gia của HSC trong các giao dịch tài chính doanh nghiệp trọng yếu.

Về năng lực tài chính, HSC đã triển khai và hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu vào ngày 30/09/2025, qua đó nâng vốn điều lệ từ 7.200 tỷ đồng lên 10.800 tỷ đồng theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. BKS nhận thấy việc tăng vốn được thực hiện đúng quy định, đồng thời góp phần nâng cao năng lực tài chính, hỗ trợ phát triển hoạt động kinh doanh, củng cố khả năng cạnh tranh và tạo điều kiện để Công ty nắm bắt các cơ hội từ thị trường.

() Nghị quyết số 03/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/12/2024 của ĐHĐCĐ HSC, Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 141/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 03/06/2025 và Quyết định số 318/QĐ-UBCK do UBCKNN cấp ngày 23/06/2025 về việc chấp thuận gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng.*

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
1	Tỷ lệ an toàn tài chính	502%	571%
2	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
a	Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,4	1,5
b	Hệ số Nợ so với Tổng tài sản (lần)	0,7	0,7
3	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
a	Hệ số vốn chủ sở hữu so với Tổng nguồn vốn (lần)	0,3	0,3
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi		
a	ROAE (Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu)	12,1%	11,2%
b	ROAA (Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản)	3,0%	4,2%

Về năng lực quản trị của HSC trong năm 2025

BKS đánh giá Công ty đã tập trung củng cố năng lực quản trị thông qua việc khởi động dự án Xây dựng và Áp dụng Khung năng lực, nhằm chuẩn hóa năng lực, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hiệu quả quản trị. Dự án được triển khai theo lộ trình ba giai đoạn gồm Khảo sát – Đánh giá hiện trạng, Thiết kế khung năng lực cốt lõi và lãnh đạo, và Phát triển năng lực chuyên môn, qua đó tạo nền tảng cho việc phát triển nguồn nhân lực bền vững và hỗ trợ thực hiện các mục tiêu dài hạn của Công ty.

Bên cạnh đó, BKS ghi nhận việc HSC hoàn tất xây dựng lộ trình Chuyển đổi số giai đoạn 2025–2026 và chính thức bước vào giai đoạn triển khai đồng bộ. Lộ trình bao gồm mười tám (“18”) sáng kiến số thuộc các trụ cột và đòn bẩy phát triển, với trọng tâm là chuẩn hóa mô hình quản trị các dự án toàn Công ty, tăng cường phối hợp triển khai và nâng cao năng lực số của đội ngũ. Theo đánh giá của BKS, đây là bước chuyển quan trọng từ hoạch định chiến lược sang triển khai thực tế, góp phần nâng cao hiệu quả vận hành và năng lực cạnh tranh dài hạn của Công ty.

3. Giám sát hoạt động Kiểm toán nội bộ năm 2025

BKS ghi nhận sự phát triển có lộ trình và từng bước trưởng thành của chức năng Kiểm toán Nội bộ (“KTNB”), từ việc chuẩn hóa khung hệ thống và củng cố tuân thủ, sang chuẩn hóa phương pháp, chủ động đồng hành cùng BDH và từng bước tạo giá trị cho hoạt động quản trị. Trên cơ sở đó, BKS đã phối hợp chặt chẽ với Bộ phận KTNB và Tiểu ban Kiểm toán nội bộ trong việc giám sát kế hoạch và kết quả kiểm toán, tập trung vào các quy trình nghiệp vụ trọng yếu, mức độ tuân thủ và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ.

Trong năm 2025, trước bối cảnh HSC tiếp tục đẩy mạnh hiện đại hóa và ứng dụng công nghệ, BKS đặc biệt chú trọng giám sát các hoạt động kiểm toán nội bộ liên quan đến môi trường công nghệ, dữ liệu và các quy trình vận hành số, nhằm bảo đảm chất lượng đảm bảo, tính nhất quán trong quản trị và khả năng kiểm soát rủi ro trong điều kiện vận hành ngày càng phức tạp. Các kết quả kiểm toán và khuyến nghị của KTNB được BKS xem xét trong mối liên hệ với định hướng quản trị trung hạn và mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

Hướng tới giai đoạn tiếp theo, Ban Kiểm soát tiếp tục phối hợp với KTNB và Tiểu ban Kiểm toán nội bộ trong việc tăng cường giám sát chất lượng kiểm toán, tập trung vào các rủi ro mang tính dài hạn và mức độ sẵn sàng của hệ thống quản trị trước các chương trình chuyển đổi, qua đó góp phần hỗ trợ HĐQT và BDH trong việc củng cố nền tảng quản trị, nâng cao tính minh bạch và bảo đảm sự phát triển ổn định, bền vững của HSC.

Phương hướng hoạt động của kiểm toán nội bộ trong năm 2026

Nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả hệ thống quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ, BKS định hướng KTNB tập trung rà soát và theo dõi việc thực hiện các khuyến nghị kiểm toán, thực hiện đầy đủ chức năng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các hoạt động kiểm toán được triển khai theo Kế hoạch KTNB năm 2026 đã được Tiểu ban Kiểm toán nội bộ phê duyệt, phù hợp với các lĩnh vực trọng yếu và định hướng quản trị của Công ty.

III. KẾ HOẠCH CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026

Trong năm 2026, BKS tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ được ĐHĐCĐ giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích tối đa của Công ty. Kế hoạch dưới đây được xây dựng trên cơ sở mô hình BKS hiện hành. Trong trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc chuyển đổi sang Ủy ban Kiểm toán trong năm 2026, các nội dung liên quan sẽ được điều chỉnh phù hợp với mô hình quản trị mới.

STT	Kế hoạch công việc
1	Giám sát hoạt động của HĐQT năm 2026 và tình hình thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2026
2	Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của HSC năm 2026
3	Thẩm tra Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 và Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2026 của HSC
4	Giám sát hoạt động của KTNB HSC năm 2026
5	Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của HSC năm 2026
6	Thực hiện đánh giá hoạt động Công ty năm 2026 để báo cáo Cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2027

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



ĐẶNG NGUYỆT MINH

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vp. BKS
- Lưu Vp. HĐQT

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Về việc: - Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty
- Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty
- Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 được Quốc hội khóa 15 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Chứng khoán 2019; và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;
- Nghị định 245/2025/NĐ-CP ban hành ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh được thông qua tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/08/2022,

Nhằm đáp ứng việc chuyển đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty từ mô hình quản trị có Ban Kiểm soát sang mô hình quản trị có Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị, Công ty cần điều chỉnh và bổ sung các quy định liên quan tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị nhằm bảo đảm sự phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý mới. Đồng thời, Công ty cần cập nhật các quy định pháp luật hiện hành theo Nghị định 245/2025/NĐ-CP, và điều chỉnh một số nội dung cho phù hợp với tổ chức bộ máy và phương thức vận hành thực tế của Công ty.

Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“Công ty”/ “HSC”) kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (“ĐHĐCĐ”) thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, và Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị. Chi tiết như sau:

1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, và Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, gồm:
 - (i) Điều lệ Công ty với các nội dung thay thế, sửa đổi, bổ sung chi tiết được đính kèm (Bảng chi tiết thay đổi Điều lệ Công ty năm 2026 đính kèm);
 - (ii) Quy chế nội bộ về quản trị công ty với các nội dung thay thế, sửa đổi, bổ sung chi tiết được đính kèm (Bảng chi tiết thay đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2026 đính kèm);
 - (iii) Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị với các nội dung thay thế, sửa đổi, bổ sung chi tiết được đính kèm (Bảng chi tiết thay đổi Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị năm 2026 đính kèm).
2. Toàn văn Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, và Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua, và thay thế Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 08/08/2022. (Dự thảo Điều lệ Công ty, Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty, và Dự thảo Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị đính kèm)

3. Giao và ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT và/hoặc Tổng Giám đốc:
- (i) Ký ban hành Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, và Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị;
 - (ii) Công bố thông tin phù hợp quy định của pháp luật liên quan.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



JOHAN NYVENE

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vp. HĐQT





CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Bảng chi tiết thay đổi Điều lệ Công ty năm 2026

STT	ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
1.	Điểm d và e Khoản 1 Điều 1	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, các thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: d. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019; e. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và được sửa đổi, bổ sung ngày 11 tháng 01 năm 2022;	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, các thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: e. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (như được sửa đổi và/hoặc bổ sung theo từng thời điểm); f. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 (như được sửa đổi và/hoặc bổ sung theo từng thời điểm);	Điều chỉnh từ ngữ do quy định pháp luật sẽ được sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm
2.	Bổ sung điểm d Khoản 1 Điều 1	Chưa có quy định về thuật ngữ “ <i>Giám đốc điều hành</i> ”	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, các thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: d. “Giám đốc điều hành” là những người được Tổng Giám đốc ký quyết định bổ nhiệm để nắm giữ các vị trí điều hành cấp cao của một khối chức năng tại Công ty;	Bổ sung thuật ngữ để sử dụng thống nhất trong Điều lệ
3.	Điểm f Khoản 1 Điều 1	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, các thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: f. “Ngày thành lập” là ngày 29/04/2003 khi Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 11/GPHĐKD, sau khi thực hiện đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh ngày 23/04/2003;	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, các thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: g. “Ngày thành lập” là ngày 29/04/2003 khi Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 11/GPHĐKD và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;	Điều chỉnh từ ngữ
4.	Tiết iii và v Điểm g Khoản 1 Điều 1	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, các thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: g. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán, cụ thể bao gồm các trường hợp sau đây: iii. Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, các thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: h. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán, cụ thể bao gồm các trường hợp sau đây: iii. Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với Công ty trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi Công ty hoặc cùng với Công ty chịu chung một sự kiểm soát;	Điều chỉnh từ ngữ

STT	ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
		v. Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia; và	v. Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho Công ty; và	
5.	Điểm j Khoản 1 Điều 1	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, các thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: j. “Người nội bộ” là những người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công ty, bao gồm: Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật, Phó Tổng Giám đốc (nếu có), Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng Ban và thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên), Chủ tịch và thành viên các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị, thư ký Công ty, người phụ trách quản trị Công ty, người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty;	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, các thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: k. “Người nội bộ” là những người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công ty, bao gồm: Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật, Phó Tổng Giám đốc (nếu có), Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Chủ tịch và thành viên Ủy ban kiểm toán, Chủ tịch và thành viên các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị, thư ký Công ty, người phụ trách quản trị Công ty, người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty;	Sửa đổi do thay đổi cơ cấu tổ chức
6.	Điểm k Khoản 1 Điều 1	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, các thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: k. “Người quản lý” là những người sau đây: Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị, Chủ tịch và thành viên các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc (nếu có), Kế toán trưởng và các Giám đốc điều hành;	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, các thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: l. “Người quản lý” là những người sau đây: Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị, Chủ tịch và thành viên Ủy ban kiểm toán Chủ tịch và thành viên các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc (nếu có), Kế toán trưởng và các Giám đốc điều hành;	Sửa đổi do thay đổi cơ cấu tổ chức
7.	Điểm l Khoản 1 Điều 1	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, các thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: l. “Pháp luật” là tất cả văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 22 tháng 06 năm 2015;	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, các thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: m. “Pháp luật” là tất cả văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 19 tháng 02 năm 2025 (như sửa đổi và/hoặc bổ sung theo từng thời điểm);	Điều chỉnh từ ngữ do quy định pháp luật sẽ được sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm
8.	Điểm m Khoản 1 Điều 1	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, các thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: m. “Sở Giao dịch Chứng khoán” là Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các Công ty con, bao gồm Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, các thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: n. “Sở Giao dịch Chứng khoán” là Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con, bao gồm nhưng không giới hạn Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;	Điều chỉnh từ ngữ
9.	Bỏ Điểm c Khoản 1 Điều 2	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, cơ cấu tổ chức và thời hạn hoạt động của Công ty 1. Tên Công ty:		Xóa bỏ vì nội dung không cần thiết, tên giao dịch và tên công ty giống nhau

STT	ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
		c. Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh		
10.	Điểm a Khoản 3 Điều 2	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, cơ cấu tổ chức và thời hạn hoạt động của Công ty 3. Trụ sở đăng ký của Công ty: a. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, cơ cấu tổ chức và thời hạn hoạt động của Công ty 3. Trụ sở đăng ký của Công ty: a. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bổ sung tầng 3 và cập nhật địa giới hành chính sau sáp nhập
11.	Điểm a Khoản 4 Điều 2	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, cơ cấu tổ chức và thời hạn hoạt động của Công ty 4. Cơ cấu tổ chức, mạng lưới hoạt động: a. Công ty được tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, bao gồm: Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc;	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, cơ cấu tổ chức và thời hạn hoạt động của Công ty 4. Cơ cấu tổ chức, mạng lưới hoạt động: a. Công ty được tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, bao gồm: Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc;	Sửa đổi do thay đổi cơ cấu tổ chức
12.	Điểm b Khoản 1 Điều 6	Điều 6. Nguyên tắc hoạt động 1. Công ty phải tuân thủ nguyên tắc hoạt động chung về quản trị và điều hành công ty như sau: b. Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc phù hợp với Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định Pháp luật khác có liên quan;	Điều 6. Nguyên tắc hoạt động 1. Công ty phải tuân thủ nguyên tắc hoạt động chung về quản trị và điều hành công ty như sau: b. Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc phù hợp với Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định Pháp luật khác có liên quan;	Xóa bỏ Ban Kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức
13.	Bổ sung Khoản 12 Điều 7	Chưa có quy định	Điều 7. Quy định về cấm và hạn chế chung đối với Công ty 12. Không được thực hiện bất kỳ hành vi thao túng thị trường chứng khoán nào khác.	Bổ sung theo khoản 5 Điều 1 Luật số 56/2024 sửa đổi, bổ sung Luật chứng khoán
14.	Điểm a Khoản 3 Điều 8	Điều 8. Quy định về cấm và hạn chế trong hoạt động nghiệp vụ của Công ty 3. Đối với nghiệp vụ bảo lãnh phát hành: Không được bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn hoặc là người bảo lãnh chính trong các trường hợp sau đây: a. Công ty độc lập hoặc cùng với người có liên quan sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của tổ chức phát hành, hoặc có quyền kiểm soát tổ chức phát hành, hoặc có quyền bổ nhiệm Tổng Giám đốc của tổ chức phát hành;	Điều 8. Quy định về cấm và hạn chế trong hoạt động nghiệp vụ của Công ty 3. Đối với nghiệp vụ bảo lãnh phát hành: Không được bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn hoặc là người bảo lãnh chính trong các trường hợp sau đây: a. Công ty, độc lập hoặc cùng với Người có liên quan sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của tổ chức phát hành, hoặc có quyền kiểm soát tổ chức phát hành, hoặc có quyền bổ nhiệm tổng giám đốc (giám đốc) của tổ chức phát hành;	Điều chỉnh từ ngữ
15.	Khoản 1 và 2 Điều 10	Điều 10. Vốn điều lệ và cổ phần 1. Vốn điều lệ của Công ty là 10.807.970.890.000 VND (Mười nghìn tám trăm linh bảy tỷ, chín trăm bảy mươi triệu, tám trăm chín mươi nghìn đồng Việt Nam).	Điều 10. Vốn điều lệ và cổ phần 1. Vốn điều lệ của Công ty được quy định chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm Điều lệ này.	Vốn điều lệ và số lượng cổ phần được quy định chi tiết tại Phụ lục đính kèm

STT	ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
		2. Tổng số Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1.080.797.089 cổ phần phổ thông. Mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng Việt Nam/cổ phần.	2. Tổng số Vốn điều lệ của Công ty được chia thành số lượng cổ phần phổ thông tương ứng được quy định chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm Điều lệ này. Mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng Việt Nam/cổ phần.	
16.	Khoản 3 Điều 14	Điều 14. Mua lại cổ phần 3. Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty. Trong trường hợp này, Hội đồng Quản trị quyết định phương án mua lại và phải báo cáo tổng số lượng cổ phiếu của người lao động đã được Công ty mua lại lên Đại hội đồng Cổ đông thường niên gần nhất. Sau khi hoàn thành việc mua lại, Công ty phải thực hiện thủ tục giảm Vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị tính theo mệnh giá cổ phiếu được Công ty mua lại.	Điều 14. Mua lại cổ phần 3. Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty. Trong trường hợp này, Hội đồng Quản trị quyết định phương án mua lại và phải báo cáo tổng số lượng cổ phiếu của người lao động đã được Công ty mua lại lên Đại hội đồng Cổ đông thường niên gần nhất. Công ty không phải làm thủ tục giảm vốn điều lệ đối với số cổ phiếu được Công ty mua lại quy định tại khoản này.	Điều chỉnh theo khoản 13 Điều 1 Luật số 56/2024 sửa đổi, bổ sung Luật chứng khoán
17.	Khoản 4 Điều 14	Điều 14. Mua lại cổ phần 4. Công ty mua lại cổ phiếu lẻ theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo quyết định của Tổng Giám đốc trên cơ sở phương án phát hành cổ phiếu đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.	Điều 14. Mua lại cổ phần 4. Công ty mua lại cổ phiếu lẻ theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án phát hành cổ phiếu đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.	Điều chỉnh từ ngữ theo khoản 5 Điều 69 Nghị định 155/2020
18.	Điểm d Khoản 2 Điều 15	Điều 15. Thay đổi Vốn điều lệ 2. Cách thức tăng Vốn điều lệ của Công ty: d. Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu thưởng;	Điều 15. Thay đổi Vốn điều lệ 2. Cách thức tăng Vốn điều lệ của Công ty: d. Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty;	Bổ sung làm rõ các cách thức có thể làm tăng vốn điều lệ
19.	Khoản 3 Điều 15	Điều 15. Thay đổi Vốn điều lệ 3. Việc giảm Vốn điều lệ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định nhưng phải đảm bảo điều kiện Vốn điều lệ tối thiểu sau khi giảm vốn theo quy định của Pháp luật.	Điều 15. Thay đổi Vốn điều lệ 3. Việc giảm Vốn điều lệ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định nhưng phải đảm bảo các điều kiện theo quy định của Pháp luật.	Điều chỉnh làm rõ việc giảm vốn điều lệ phải tuân thủ quy định pháp luật
20.	Khoản 5 và 6 Điều 16	Điều 16. Quyền của Cổ đông 5. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết, yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình theo quy định tại Điều 49 Điều lệ này. Trường hợp cổ phiếu của Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, việc xem xét, tra cứu và trích lục thông tin phải tuân theo quy định của Pháp luật về chứng khoán. 6. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 49 Điều lệ này.	Điều 16. Quyền của Cổ đông 5. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết, yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này. Trường hợp cổ phiếu của Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, việc xem xét, tra cứu và trích lục thông tin phải tuân theo quy định của Pháp luật về chứng khoán. 6. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này.	Điều chỉnh điều khoản dẫn chiếu

STT	ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
21.	Điểm a Khoản 1 Điều 17	<p>Điều 17. Quyền của Cổ đông lớn</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty theo quy định tại Điều 49 Điều lệ này.</p>	<p>Điều 17. Quyền của Cổ đông lớn</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, hợp đồng, giao dịch phải được Hội đồng Quản trị thông qua và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này.</p>	Xóa bỏ Ban kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức
22.	Điểm b Khoản 1 Điều 17	<p>Điều 17. Quyền của Cổ đông lớn</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong trường hợp Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</p>	<p>Điều 17. Quyền của Cổ đông lớn</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong trường hợp Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ đông, nghĩa vụ của Người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông.</p>	Bổ sung theo khoản 18 Điều 1 Luật số 76/2025 sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp
23.	Bỏ Điểm c Khoản 1 Điều 17	<p>Điều 17. Quyền của Cổ đông lớn</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.</p>		Xóa bỏ do thay đổi cơ cấu tổ chức

STT	ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
24.	Khoản 2 Điều 17	<p>Điều 17. Quyền của Cổ đông lớn</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 30 và 41 Điều lệ này. Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a. Các Cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các Cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng Cổ đông.</p> <p>b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.</p>	<p>Điều 17. Quyền của Cổ đông lớn</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 30 Điều lệ này. Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị thực hiện như sau:</p> <p>a. Các Cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các Cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng Cổ đông.</p> <p>b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị.</p>	Xóa bỏ Ban kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức
25.	Điểm a, b và c Khoản 4 Điều 19	<p>Điều 19. Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.</p> <p>c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại điểm b khoản này thì Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 17 của Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông. Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>Điều 19. Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 17 của Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông. Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>Xóa bỏ Ban kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức</p> <p>Bổ sung theo khoản 20 Điều 1 Luật số 76/2025 sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬ ĐỔI	LÝ DO SỬ ĐỔI
26.	Khoản 1 Điều 20	<p>Điều 20. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ như sau:</p> <p>a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b. Quyết định tăng, giảm Vốn điều lệ;</p> <p>c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>f. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này;</p> <p>g. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>h. Quyết định mua lại từ trên 10% đến 30% tổng số cổ phần đã bán của Công ty;</p> <p>i. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông Công ty;</p> <p>j. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;</p> <p>l. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát;</p> <p>m. Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Pháp luật.</p> <p>2. Đại hội đồng Cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị;</p> <p>d. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc;</p>	<p>Điều 20. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ quyết định các vấn đề sau đây:</p> <p>a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty; kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b. Quyết định thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c. Quyết định thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d. Quyết định tăng, giảm Vốn điều lệ;</p> <p>e. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>f. Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>g. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này, trừ trường hợp điều chỉnh Phụ lục 01 Điều lệ này do Hội đồng Quản trị thực hiện sau khi hoàn tất đợt phát hành, chào bán thêm cổ phần mới để tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;</p> <p>h. Thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán;</p> <p>i. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng Quản trị gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông Công ty;</p> <p>j. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị;</p> <p>k. Phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận, quyết định lựa chọn hoặc ủy quyền Hội đồng Quản trị lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>l. Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị;</p> <p>m. Thông qua báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này;</p> <p>n. Thông qua báo cáo đánh giá của từng thành viên Hội đồng Quản trị độc lập về hoạt động của Hội đồng Quản trị;</p> <p>o. Thông qua số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị;</p> <p>p. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị;</p> <p>q. Quyết định ngân sách hoặc tổng số tiền thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng Quản trị;</p>	<p>Hợp nhất các khoản 1, 2 Điều 20 và khoản 2 Điều 25 Điều lệ</p> <p>Bổ sung thẩm quyền của đại hội đồng cổ đông về việc thông qua báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong Ủy ban kiểm toán theo Điều 284 Nghị định 155/2020</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p>e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;</p> <p>f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;</p> <p>h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;</p> <p>i. Quyết định ngân sách hoặc tổng số tiền thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;</p> <p>j. Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận, quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ này, trừ trường hợp điều chỉnh Vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới được thực hiện trên cơ sở Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ, đồng thời giao Hội đồng Quản trị thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ sau khi kết thúc mỗi đợt bán cổ phần, mà trường hợp này sẽ do Hội đồng Quản trị phê duyệt;</p> <p>l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;</p> <p>m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>p. Công ty mua lại từ trên 10% đến 30% tổng số cổ phần đã bán của Công ty;</p> <p>q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc các giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty với người có liên quan sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ; Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và Người có liên quan của họ; 	<p>r. Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>s. Quyết định giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>t. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>u. Quyết định mua lại từ trên 10% đến 30% tổng số cổ phần đã bán của Công ty;</p> <p>v. Thông qua các hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc các giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty với Người có liên quan sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và Người có liên quan của họ, Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và Người có liên quan của họ, Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định của Luật Doanh nghiệp; <p>w. Thông qua các hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty với Cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người có liên quan của Cổ đông đó;</p> <p>x. Thông qua các vấn đề khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.</p>	

STT	ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬ ĐỔI	LÝ DO SỬ ĐỔI
		<p>iii. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>r. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty với Cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của Cổ đông đó;</p> <p>s. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát;</p> <p>t. Các vấn đề khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.</p>		
27.	Khoản 3 Điều 20	<p>Điều 20. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi Cổ đông đó hoặc người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p>	<p>Điều 20. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 1 Điều này khi Cổ đông đó hoặc Người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p>	Điều chỉnh điều khoản dẫn chiếu
28.	Điểm a Khoản 2 Điều 22	<p>Điều 22. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p>	<p>Điều 22. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p>	Điều chỉnh từ ngữ theo khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp
29.	Khoản 3 Điều 22	<p>Điều 22. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ đông trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức bảo đảm đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty, trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán, UBCK (khi Công ty đang niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi ít nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng Cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các Cổ đông hoặc/và đăng</p>	<p>Điều 22. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>3. Căn cứ danh sách Cổ đông có quyền dự họp được xác nhận từ Tổng Công ty Lưu ký và Thanh toán Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ đông bằng dịch vụ chuyển thư đến địa chỉ liên lạc hoặc/và bằng thư điện tử (email) hoặc/và tin nhắn điện thoại, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty, trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán và UBCK. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi ít nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng Cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông,</p>	<p>Bổ sung phương thức gửi thư mời họp</p> <p>Xóa bỏ Ban kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p>trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>c. Phiếu biểu quyết;</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	<p>các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các Cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị;</p> <p>c. Phiếu biểu quyết;</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	
30.	Điểm a Khoản 2 Điều 24	<p>Điều 24. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được quy định như sau:</p> <p>a. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị khác làm Chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng Cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>Điều 24. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được quy định như sau:</p> <p>a. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị khác làm Chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán điều hành để Đại hội đồng Cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p>	Điều chỉnh từ Trường Ban kiểm soát thành Chủ tịch Ủy ban kiểm toán do thay đổi cơ cấu tổ chức
31.	Khoản 1 và 2 Điều 25	<p>Điều 25. Điều kiện thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>1. Các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua khi được số Cổ đông đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, khoản 4 Điều 30, và khoản 4 Điều 41 Điều lệ này.</p> <p>2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 30, và khoản 4 Điều 41 Điều lệ này:</p> <p>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.</p> <p>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh.</p> <p>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.</p> <p>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán.</p>	<p>Điều 25. Điều kiện thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>1. Các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua khi được số Cổ đông đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, khoản 4 Điều 30, và Điều 27 Điều lệ này.</p> <p>2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 30, và Điều 27 Điều lệ này:</p> <p>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.</p> <p>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh.</p> <p>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.</p> <p>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán.</p>	Điều chỉnh điều khoản dẫn chiếu do thay đổi cơ cấu tổ chức

STT	ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
		e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.	e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.	
32.	Khoản 5 Điều 26	Điều 26. Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến 5. Việc thông qua nghị quyết theo hình thức hội nghị trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Điều 25, khoản 4 Điều 30, và khoản 4 Điều 41 Điều lệ này và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp trực tiếp Đại hội đồng Cổ đông.	Điều 26. Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến 5. Việc thông qua nghị quyết theo hình thức hội nghị trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Điều 25, khoản 4 Điều 30 Điều lệ này và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp trực tiếp Đại hội đồng Cổ đông.	Xóa bỏ điều khoản dẫn chiếu liên quan đến Ban Kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức
33.	Khoản 1 Điều 27	Điều 27. Tổ chức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông 1. Căn cứ tình hình thực tế và xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, Hội đồng Quản trị quyết định lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông về tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.	Điều 27. Tổ chức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông 1. Căn cứ tình hình thực tế và xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, Hội đồng Quản trị quyết định lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bao gồm: a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty; kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; b. Quyết định thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c. Quyết định thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; d. Quyết định tăng, giảm Vốn điều lệ; e. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; f. Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần; g. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này, trừ trường hợp điều chỉnh Phụ lục 01 Điều lệ này do Hội đồng Quản trị thực hiện sau khi hoàn tất đợt phát hành, chào bán thêm cổ phần mới để tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua; h. Thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán; i. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng Quản trị gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông Công ty; j. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị; k. Phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận, quyết định lựa chọn hoặc ủy quyền Hội đồng Quản trị lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết; l. Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị;	Quy định chi tiết các nội dung được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

STT	ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
			<p>m. Thông qua báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này;</p> <p>n. Thông qua báo cáo đánh giá của từng thành viên Hội đồng Quản trị độc lập về hoạt động của Hội đồng Quản trị;</p> <p>o. Thông qua số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị;</p> <p>p. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị;</p> <p>q. Quyết định ngân sách hoặc tổng số tiền thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng Quản trị;</p> <p>r. Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>s. Quyết định giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>t. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>u. Quyết định mua lại từ trên 10% đến 30% tổng số cổ phần đã bán của Công ty;</p> <p>v. Thông qua các hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc các giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty với Người có liên quan sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> i. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và Người có liên quan của họ, ii. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và Người có liên quan của họ, iii. Doanh nghiệp có liên quan mà thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định của Luật Doanh nghiệp; <p>w. Thông qua các hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty với Cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người có liên quan của Cổ đông đó;</p> <p>x. Thông qua các vấn đề khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.</p>	

STT	ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
34.	Khoản 2 Điều 27	<p>Điều 27. Tổ chức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này.</p>	<p>Điều 27. Tổ chức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Các tài liệu này được gửi đến tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết theo danh sách Cổ đông được xác nhận từ Tổng Công ty Lưu ký và Thanh toán Bù trừ Chứng khoán Việt Nam chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến theo quy định như sau:</p> <p>a. Phiếu lấy ý kiến được gửi đến Cổ đông bằng dịch vụ chuyển thư đến địa chỉ liên lạc hoặc/và bằng thư điện tử (email) hoặc/và bằng phương thức liên lạc khác, đồng thời được đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty;</p> <p>b. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết có thể được đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty hoặc/và gửi bằng dịch vụ chuyển thư đến địa chỉ liên lạc hoặc/và bằng thư điện tử (email) đến Cổ đông hoặc/và bằng phương thức liên lạc khác.</p>	Quy định chi tiết cách thức gửi phiếu lấy ý kiến
35.	Khoản 7 Điều 27	<p>Điều 27. Tổ chức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>7. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Công ty;</p>	<p>Điều 27. Tổ chức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>7. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Công ty;</p>	Xóa bỏ Ban kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức
36.	Khoản 10 Điều 27	<p>Điều 27. Tổ chức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>10. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản nếu được số Cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết tán thành; trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị được thông qua theo quy định tại khoản 4 Điều 30 và trường hợp bầu thành viên Ban Kiểm soát được thông qua theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Điều lệ này. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.</p>	<p>Điều 27. Tổ chức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>10. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản nếu được số Cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết tán thành; trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị được thông qua theo quy định tại khoản 4 Điều 30. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.</p>	Xóa bỏ Ban kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức
37.	Khoản 5 Điều 30	<p>Điều 30. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị</p> <p>5. Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Pháp luật, Quy chế quản trị nội bộ Công ty và Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị.</p>	<p>Điều 30. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị</p> <p>5. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Pháp</p>	Bổ sung do thay đổi cơ cấu tổ chức

STT	ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
			luật, Quy chế quản trị nội bộ Công ty và Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị.	
38.	Khoản 3 Điều 31	<p>Điều 31. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị</p> <p>3. Cơ cấu Hội đồng Quản trị phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị phải là thành viên không điều hành và số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên độc lập trong từng nhiệm kỳ phải đảm bảo:</p> <p>a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp có 05 thành viên Hội đồng Quản trị;</p> <p>b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp có số thành viên Hội đồng Quản trị từ 06 đến 08 thành viên;</p> <p>c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng Quản trị từ 09 đến 11 thành viên.</p>	<p>Điều 31. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị</p> <p>3. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành trong từng nhiệm kỳ phải đảm bảo:</p> <p>a. Tối thiểu một (01) thành viên không điều hành trong trường hợp có số thành viên Hội đồng Quản trị từ ba (03) đến năm (05) thành viên;</p> <p>b. Tối thiểu hai (02) thành viên không điều hành trong trường hợp có số thành viên Hội đồng Quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên;</p> <p>c. Tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp có số thành viên Hội đồng Quản trị từ 09 đến 11 thành viên.</p> <p>4. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên độc lập trong từng nhiệm kỳ phải đảm bảo:</p> <p>a. Tối thiểu một (01) thành viên độc lập trong trường hợp có năm (05) thành viên Hội đồng Quản trị;</p> <p>b. Tối thiểu hai (02) thành viên độc lập trong trường hợp có số thành viên Hội đồng Quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên;</p> <p>c. Tối thiểu ba (03) thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng Quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên.</p>	Bổ sung theo khoản 79 Điều 1 Nghị định 245/2025 sửa đổi Nghị định 155/2020
39.	Điểm d Khoản 2 Điều 32	<p>Điều 32. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị</p> <p>2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</p>	<p>Điều 32. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị</p> <p>2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>d. Quyết định giá bán cổ phần, trái phiếu và các chứng khoán chuyển đổi của Công ty.</p>	Bổ sung thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo nguyên tắc không trái với các quy định pháp luật và tham khảo thông lệ thị trường
40.	Điểm h Khoản 2 Điều 32	<p>Điều 32. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị</p> <p>2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>h. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty với người có liên quan sau đây:</p> <p>i. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ;</p> <p>ii. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và Người có liên quan của họ;</p>	<p>Điều 32. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị</p> <p>2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>n. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty với Người có liên quan sau đây:</p> <p>i. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và Người có liên quan của họ;</p> <p>ii. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và Người có liên quan của họ;</p>	Xóa bỏ Ban Kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức

STT	ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
		iii. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	iii. Doanh nghiệp có liên quan mà thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	
41.	Điểm i Khoản 2 Điều 32	Điều 32. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: i. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại điểm q và r khoản 2 Điều 20 Điều lệ này hoặc Luật Doanh nghiệp có quy định khác;	Điều 32. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: o. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại điểm v và w khoản 1 Điều 20 Điều lệ này hoặc Luật Doanh nghiệp có quy định khác.	Điều chỉnh điều khoản dẫn chiếu
42.	Điểm j Khoản 2 Điều 32	Điều 32. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và người điều hành quan trọng của Công ty được quy định tại Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị; quyết định mức lương và lợi ích khác của các người điều hành đó; cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia hội đồng thành viên hoặc đại hội hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	Điều 32. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: p. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và các chức danh khác của Công ty được quy định tại Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị; quyết định mức lương và lợi ích khác của các chức danh khác đó; cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia hội đồng thành viên hoặc đại hội hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.	Sửa đổi từ ngữ để phù hợp với cơ cấu tổ chức
43.	Điểm q Khoản 2 Điều 32	Điều 32. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua; quyết định ban hành quy chế hoạt động của Tiểu ban kiểm toán, Tiểu ban quản trị rủi ro, Tiểu ban lương thưởng trực thuộc Hội đồng Quản trị, quyết định ban hành quy chế về công bố thông tin của Công ty và các quy chế nội bộ khác của Công ty;	Điều 32. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: y. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua; quyết định ban hành quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị, Tiểu ban quản trị rủi ro, Tiểu ban lương thưởng trực thuộc Hội đồng Quản trị, quyết định ban hành quy chế về công bố thông tin của Công ty và các quy chế nội bộ khác của Công ty.	Bổ sung Ủy ban kiểm toán do thay đổi cơ cấu tổ chức
44.	Điểm u Khoản 2 Điều 32	Điều 32. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: u. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;	Điều 32. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: cc. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với Người có liên quan.	Xóa bỏ Ban Kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức
45.	Điểm w Khoản 2 Điều 32	Điều 32. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:	Điều 32. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:	Bổ sung Người phụ trách quản trị Công ty theo khoản 81

STT	ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
		w. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty;	dd. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị Công ty và Người quản lý khác của Công ty.	Điều 1 Nghị định 245/2025 sửa đổi Nghị định 155/2020
46.	Điểm aa Khoản 2 Điều 32	Điều 32. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: aa. Việc mua bảo hiểm trách nhiệm quản lý không nhằm mục đích mang lại lợi ích vật chất hay thu nhập cho Người quản lý và Kiểm soát viên;	Điều 32. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: hh. Phê duyệt việc tham gia bảo hiểm trách nhiệm quản lý không nhằm mục đích mang lại lợi ích vật chất hay thu nhập cho Người quản lý.	Xóa bỏ Kiểm soát viên do thay đổi cơ cấu tổ chức
47.	Bổ sung Điểm f Khoản 2 Điều 32 Dự thảo		Điều 32. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: f. Quyết định việc tạm ứng cổ tức, thực hiện chi trả cổ tức sau khi đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên thông qua.	Bổ sung thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo khoản 81 Điều 1 Nghị định 245/2025 sửa đổi Nghị định 155/2020
48.	Bổ sung Điểm h Khoản 2 Điều 32 Dự thảo		Điều 32. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: h. Quyết định việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm cả quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ.	Bổ sung thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo nguyên tắc không trái với các quy định pháp luật và tham khảo thông lệ thị trường
49.	Bổ sung Điểm i Khoản 2 Điều 32 Dự thảo		Điều 32. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: i. Quyết định việc chào bán, phát hành, niêm yết trái phiếu, chứng quyền, chứng quyền có bảo đảm.	Bổ sung thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo khoản 2 Điều 31 Luật Chứng khoán và khoản 72 Điều 1 Nghị định 245/2025 sửa đổi Nghị định 155/2020
50.	Bổ sung Điểm j Khoản 2 Điều 32 Dự thảo		Điều 32. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: j. Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu, hồ sơ chào bán trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp gần nhất; báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ chào bán trái phiếu.	Bổ sung thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo khoản 2 Điều 31 Luật Chứng khoán và điểm a khoản 2 Điều 13 Nghị định 153/2020
51.	Bổ sung Điểm k Khoản 2 Điều 32 Dự thảo		Điều 32. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: k. Quyết định thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền, trừ trường hợp chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền theo phương án được Hội đồng Quản	Bổ sung thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo khoản 2 Điều 9 Nghị định 155/2020

STT	ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
			trị thông qua. Việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành phải được báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp gần nhất.	
52.	Bổ sung Điểm r, s Khoản 2 Điều 32 Dự thảo		Điều 32. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: r. Bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị. s. Bổ nhiệm Trưởng tiểu ban của các tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị.	Bổ sung thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo khoản 5 Điều 282 Nghị định 155/2020 và Điều lệ mẫu
53.	Khoản 3 Điều 32	Điều 32. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 3. Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.	Điều 32. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 3. Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp trực tiếp hoặc qua điện thoại hoặc cuộc họp trực tuyến hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức nghị sự khác hoặc là kết hợp một số phương thức này.	Bổ sung các hình thức biểu quyết
54.	Điểm c, d và e Khoản 5 Điều 32	Điều 32. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 5. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông thường niên về kết quả hoạt động, trong đó tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau: c. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, công ty con (nếu có), công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ (nếu có) với thành viên Hội đồng Quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp trong đó thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; d. Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng Quản trị;	Điều 32. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 5. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông thường niên về kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, trong đó tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau: c. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, công ty con (nếu có), công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ (nếu có) với thành viên Hội đồng Quản trị và những Người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp trong đó thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên sáng lập hoặc là Người quản lý trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; d. Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập và kết quả đánh giá của từng thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng Quản trị; e. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị;	Bổ sung Ủy ban kiểm toán do thay đổi cơ cấu tổ chức và theo khoản 82 Điều 1 Nghị định 245/2025 sửa đổi Nghị định 155/2020
55.	Khoản 4 và 5 Điều 33	Điều 33. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị 4. Thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.	Điều 33. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị 4. Thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại Ủy ban kiểm toán, các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.	Bổ sung Ủy ban kiểm toán do thay đổi cơ cấu tổ chức

STT	ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
		5. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị.	5. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán hoặc các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị.	
56.	Điểm e Khoản 3 Điều 34	Điều 34. Chủ tịch Hội đồng Quản trị 3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây: e. Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;	Điều 34. Chủ tịch Hội đồng Quản trị 3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây: e. Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, ký thay mặt Đại hội đồng Cổ đông trong các nghị quyết đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;	Bổ sung thẩm quyền theo thực tiễn
57.	Điểm a Khoản 3 Điều 35	Điều 35. Cuộc họp Hội đồng Quản trị và biên bản cuộc họp 3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây: a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc các thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;	Điều 35. Cuộc họp Hội đồng Quản trị và biên bản cuộc họp 3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây: a. Có đề nghị của các thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;	Xóa bỏ Ban kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức
58.	Khoản 8 và 9 Điều 35	Điều 35. Cuộc họp Hội đồng Quản trị và biên bản cuộc họp 8. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc như đối với các thành viên Hội đồng Quản trị. 9. Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	Điều 35. Cuộc họp Hội đồng Quản trị và biên bản cuộc họp 8. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Tổng Giám đốc như đối với các thành viên Hội đồng Quản trị. 9. Tổng Giám đốc có quyền dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	Xóa bỏ Ban kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức
59.	Khoản 1 Điều 36	Điều 36. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị 1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro.	Điều 36. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị 1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, quản lý rủi ro và các tiểu ban khác.	Sửa đổi do thay đổi cơ cấu tổ chức
60.	Điểm b, f và g Khoản 3 Điều 37	Điều 37. Người phụ trách quản trị Công ty 3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau: b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng Cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát; f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;	Điều 37. Người phụ trách quản trị Công ty 3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau: b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị; f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị; g. Tiếp nhận, quản lý việc công khai lợi ích và các hợp đồng, giao dịch từ các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc;	Xóa bỏ Ban kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức

STT	ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
		g. Tiếp nhận, quản lý việc công khai lợi ích và các hợp đồng, giao dịch từ các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc;		
61.	Khoản 1 Điều 39	Điều 39. Người điều hành Công ty 1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty được tuyển dụng Người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng Quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.	Điều 39. Người điều hành Công ty 1. Ngoài Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc (nếu có), Kế toán trưởng, các Giám đốc điều hành do Tổng Giám đốc bổ nhiệm, tùy từng thời điểm, Tổng Giám đốc được bổ nhiệm Người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng Quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.	Sửa đổi để phù hợp với cơ cấu tổ chức và vận hành của công ty
62.	Bỏ toàn bộ Chương VII Ban Kiểm soát (từ Điều 41 đến Điều 46)	CHƯƠNG VII BAN KIỂM SOÁT Điều 41. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên) Điều 42. Thành phần Ban Kiểm soát Điều 43. Trưởng Ban Kiểm soát Điều 44. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát Điều 45. Cuộc họp của Ban Kiểm soát Điều 46. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát	CHƯƠNG VII ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Xóa bỏ toàn bộ Chương VII Ban kiểm soát và bổ sung toàn bộ Chương VII Ủy ban kiểm toán do thay đổi cơ cấu tổ chức
63.	Bổ sung Điều 41 Dự thảo		Điều 41. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán 1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng Quản trị đề cử và không phải là Người điều hành Công ty. 2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng Quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 35 Điều lệ này.	Bổ sung theo Điều lệ mẫu do thay đổi cơ cấu tổ chức
64.	Bổ sung Điều 42 Dự thảo		Điều 42. Thành phần Ủy ban Kiểm toán 1. Ủy ban kiểm toán có từ hai (02) thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành. 2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau: a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.	Bổ sung theo Điều lệ mẫu do thay đổi cơ cấu tổ chức

STT	ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
			<p>b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán độc lập được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.</p>	
65.	Bổ sung Điều 43 Dự thảo		<p>Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán</p> <p>1. Giám sát tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính của Công ty và các thông tin công bố chính thức liên quan đến tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Công ty.</p> <p>2. Giám sát, đánh giá hoạt động của bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty.</p> <p>3. Giám sát các hoạt động khác nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty.</p> <p>4. Kiến nghị tổ chức kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với tổ chức kiểm toán để Hội đồng Quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng Cổ đông thường niên phê duyệt.</p> <p>5. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của tổ chức kiểm toán độc lập và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán, tư vấn của tổ chức kiểm toán độc lập.</p> <p>6. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.</p> <p>7. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro.</p> <p>8. Xem xét và đề xuất Hội đồng Quản trị thông qua các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro, các biện pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.</p> <p>9. Rà soát giao dịch với Người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông.</p> <p>10. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng Quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.</p>	Bổ sung theo Điều lệ mẫu, Điều 283 Nghị định 155/2020 và khoản 3 Điều 161 Luật Doanh nghiệp

STT	ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬ ĐỔI	LÝ DO SỬ ĐỔI
			<p>11. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán, tài chính hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.</p> <p>12. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng Quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>13. Xây dựng, xem xét và đánh giá tính đầy đủ của Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và đề xuất các sửa đổi, bổ sung đối với Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán để trình Hội đồng Quản trị thông qua.</p> <p>14. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này và Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán.</p>	
66.	Bổ sung Điều 44 Dự thảo		<p>Điều 44. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán</p> <p>1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.</p> <p>2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp trực tiếp hoặc hội nghị trực tuyến hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác quy định tại Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.</p>	Bổ sung theo Điều lệ mẫu do thay đổi cơ cấu tổ chức
67.	Bổ sung Điều 45 Dự thảo		<p>Điều 45. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên</p> <p>1. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.</p> <p>2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:</p> <p>a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác (nếu có) của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p>	Bổ sung theo Điều lệ mẫu do thay đổi cơ cấu tổ chức

STT	ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
			<p>b. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;</p> <p>c. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;</p> <p>d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác của Công ty và những Người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là Người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</p> <p>e. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;</p> <p>f. Kết quả giám sát đối với Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác của Công ty; và</p> <p>g. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và các Cổ đông.</p>	
68.	Chương VIII	<p>TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</p> <p>Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.</p>	<p>TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</p> <p>Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên Ủy ban kiểm toán, thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.</p>	Xóa bỏ Ban kiểm soát, bổ sung Ủy ban kiểm toán do thay đổi cơ cấu tổ chức
69.	Điều 47	<p>Điều 47. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Pháp luật và chính sách của Công ty.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và Người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con (nếu có), công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ (nếu có)</p>	<p>Điều 46. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Pháp luật và chính sách của Công ty.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và Người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con (nếu có), công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ (nếu có)</p>	Xóa bỏ Ban kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức

STT	ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬ ĐỔI	LÝ DO SỬ ĐỔI
		<p>trên 50% trở lên vốn điều lệ (nếu có) với chính đối tượng đó hoặc với Người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của Pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của Pháp luật về công bố thông tin. Đối với các giao dịch do Hội đồng Quản trị chấp thuận, việc chấp thuận được thực hiện trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được thông báo.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà chính thành viên đó hoặc Người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>6. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người điều hành khác và Người có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong trường hợp hợp đồng, giao dịch đó hoặc những nội dung quan trọng của hợp đồng, giao dịch và mối quan hệ lợi ích đã được công khai và được Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ này.</p>	<p>với chính đối tượng đó hoặc với Người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của Pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của Pháp luật về công bố thông tin. Đối với các giao dịch do Hội đồng Quản trị chấp thuận, việc chấp thuận được thực hiện trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được thông báo.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà chính thành viên đó hoặc Người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>6. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành khác và Người có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong trường hợp hợp đồng, giao dịch đó hoặc những nội dung quan trọng của hợp đồng, giao dịch và mối quan hệ lợi ích đã được công khai và được Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ này.</p>	
70.	Khoản 1 và 2 Điều 48	<p>Điều 48. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.</p>	<p>Điều 47. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.</p>	Xóa bỏ Ban kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức

STT	ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
71.	Khoản 4 và 5 Điều 49	<p>Điều 49. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</p> <p>4. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký Cổ đông của Công ty, danh sách Cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>5. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, giấy phép thành lập và hoạt động, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, họp Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của Pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.</p>	<p>Điều 48. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</p> <p>4. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký Cổ đông của Công ty, danh sách Cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>5. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, giấy phép thành lập và hoạt động, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, họp Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, các báo cáo Ủy ban kiểm toán, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của Pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.</p>	Xóa bỏ Ban kiểm soát, bổ sung Ủy ban kiểm toán do thay đổi cơ cấu tổ chức
72.	Khoản 1 Điều 57	<p>Điều 57. Kiểm toán</p> <p>1. Đại hội đồng Cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng Quản trị.</p>	<p>Điều 56. Kiểm toán</p> <p>1. Đại hội đồng Cổ đông chỉ định một tổ chức kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các tổ chức kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng Quản trị.</p>	Điều chỉnh từ ngữ cho thống nhất (tổ chức kiểm toán độc lập)
73.	Điều 58	<p>Điều 58. Dấu của Công ty</p> <p>1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của Pháp luật về giao dịch điện tử.</p> <p>2. Hội đồng Quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).</p> <p>3. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của Pháp luật.</p>	<p>Điều 57. Dấu của Công ty</p> <p>1. Dấu của Công ty được đăng ký theo quy định của Pháp luật.</p> <p>2. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của Pháp luật.</p>	Điều chỉnh cho phù hợp với thực tế vận hành của công ty
74.	Điểm a Khoản 2 Điều 60	<p>Điều 60. Giải thể Công ty</p> <p>2. Thanh lý tài sản khi giải thể</p> <p>a. Trong vòng (06) tháng sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng Cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý</p>	<p>Điều 59. Giải thể Công ty</p> <p>2. Thanh lý tài sản khi giải thể</p> <p>a. Trong vòng sáu (06) tháng sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng Cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một (01) tổ chức kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí</p>	Điều chỉnh từ ngữ cho thống nhất (tổ chức kiểm toán độc lập)

STT	ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
		được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.	liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.	
75.	Khoản 1 Điều 61	<p>Điều 61. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông theo quy định tại Pháp luật, Điều lệ này hoặc thỏa thuận giữa:</p> <p>a. Cổ đông với Công ty;</p> <p>b. Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay Người điều hành khác;</p> <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p>	<p>Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông theo quy định tại Pháp luật, Điều lệ này hoặc thỏa thuận giữa:</p> <p>a. Cổ đông với Công ty;</p> <p>b. Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc hay Người điều hành khác;</p> <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu, chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p>	Xóa bỏ Ban kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức
76.	Bổ sung Khoản 2 Điều 61 Dự thảo		<p>Điều 61. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ</p> <p>2. Hội đồng Quản trị được quyết định sửa đổi Phụ lục 01 đính kèm Điều lệ này để cập nhật Vốn điều lệ và số lượng cổ phần quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 10 Điều lệ này tương ứng với Vốn điều lệ và số lượng cổ phần thực tế đã phát hành, chào bán sau khi kết thúc mỗi đợt phát hành, chào bán cổ phần theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.</p>	Điều chỉnh phù hợp với cấu trúc Điều lệ
77.	Khoản 1 Điều 63	<p>Điều 63. Hiệu lực Điều lệ</p> <p>1. Bản Điều lệ này gồm 18 Chương 63 Điều được Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thông qua ngày 08 tháng 08 năm 2022 và chấp thuận hiệu lực toàn văn Điều lệ này.</p> <p>Vốn điều lệ và số lượng cổ phần quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 10 Điều lệ này được cập nhật theo Giấy phép điều chỉnh số 119/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 10 năm 2025.</p>	<p>Điều 62. Hiệu lực của Điều lệ</p> <p>1. Bản Điều lệ này gồm mười tám (18) Chương, sáu mươi hai (62) Điều được Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thông qua ngày 22 tháng 04 năm 2026 và chấp thuận hiệu lực toàn văn Điều lệ này.</p>	Điều chỉnh phù hợp với cấu trúc dự thảo Điều lệ
78.	Khoản 2 Điều 63	<p>Điều 63. Hiệu lực Điều lệ</p> <p>2. Điều lệ này được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Điều 62. Hiệu lực của Điều lệ</p> <p>2. Điều lệ này được lập thành hai (02) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	Điều chỉnh số bản



STT	ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
79.	Khoản 4 Điều 63	Điều 63. Hiệu lực Điều lệ 4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.	Điều 62. Hiệu lực của Điều lệ 4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này phải có chữ ký của Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Hội đồng Quản trị hoặc ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Hội đồng Quản trị ủy quyền.	Bổ sung thẩm quyền ký bản sao Điều lệ
80.	Phụ lục 01		PHỤ LỤC 01 CHI TIẾT VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY TỪ NGÀY THÀNH LẬP ĐẾN NGÀY xx/xx/2026 Phụ lục 01 này quy định chi tiết về Vốn điều lệ và Số lượng cổ phần quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 10 Điều lệ Công ty.	Bổ sung Phụ lục quy định chi tiết vốn điều lệ và số lượng cổ phần thay đổi theo từng thời kỳ.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH
Bảng chi tiết thay đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2026

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
1.	Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none">Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và được sửa đổi, bổ sung ngày 11/01/2022;Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;Nghị định số 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là “Công ty”);	<ul style="list-style-type: none">Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (như được sửa đổi và/hoặc bổ sung theo từng thời điểm);Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (như được sửa đổi và/hoặc bổ sung theo từng thời điểm);Nghị định số 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (như được sửa đổi và/hoặc bổ sung theo từng thời điểm);Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán (như được sửa đổi và/hoặc bổ sung theo từng thời điểm);Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (như được sửa đổi và/hoặc bổ sung theo từng thời điểm);Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là “Công ty”);	Điều chỉnh từ ngữ do quy định pháp luật sẽ được sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm
2.	Điểm d, e, f Khoản 2 Điều 1	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 2. Quy chế này quy định những nội dung sau đây: d. Quyền hạn và nhiệm vụ Ban Kiểm soát, thành phần, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát, cách thức họp, ra quyết định Ban Kiểm soát; e. Vai trò, nhiệm kỳ, quyền hạn và nhiệm vụ Tổng Giám đốc, điều kiện, tiêu chuẩn, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm Tổng Giám đốc; và f. Mối quan hệ, phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 2. Quy chế này quy định những nội dung sau đây: d. Quyền hạn và nhiệm vụ Ủy ban kiểm toán, thành phần, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn, điều kiện, đề cử, ứng cử, thành viên Ủy ban kiểm toán; e. Vai trò, nhiệm kỳ, quyền hạn và nhiệm vụ Tổng Giám đốc, điều kiện, tiêu chuẩn, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm Tổng Giám đốc; và f. Mối quan hệ, phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.	Xóa bỏ Ban kiểm soát, bổ sung Ủy ban kiểm toán do thay đổi cơ cấu tổ chức
3.	Điều 2	Điều 2. Đối tượng áp dụng Quy chế này áp dụng cho Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người có liên quan.	Điều 2. Đối tượng áp dụng Quy chế này áp dụng cho Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị, Chủ tịch và thành viên Ủy ban kiểm toán, Trưởng tiểu ban và thành viên các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và những người liên quan.	Xóa bỏ Ban kiểm soát, bổ sung Ủy ban kiểm toán do thay đổi cơ cấu tổ chức

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
4.	Khoản 2 Điều 3	Điều 3. Nguyên tắc quản trị Công ty 2. Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng Quản trị đối với Công ty và Cổ đông.	Điều 3. Nguyên tắc quản trị Công ty 2. Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng Quản trị đối với Công ty và Cổ đông.	Xóa bỏ Ban kiểm soát, bổ sung Ủy ban kiểm toán do thay đổi cơ cấu tổ chức
5.	Khoản 1 và 2 Điều 5	Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông 1. Đại hội đồng Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau: a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty; b. Quyết định tăng, giảm Vốn điều lệ; c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần; d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát; e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; f. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; g. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; h. Quyết định mua lại từ trên 10% đến 30% tổng số cổ phần đã bán của Công ty; i. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông Công ty; j. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty; k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát; l. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát; m. Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết; n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Pháp luật. 2. Đại hội đồng Cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau: a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; b. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán; c. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị;	Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông 1. Đại hội đồng Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ quyết định các vấn đề sau đây: a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty; kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; b. Quyết định thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c. Quyết định thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; d. Quyết định tăng, giảm Vốn điều lệ; e. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; f. Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần; g. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh Phụ lục 01 Điều lệ Công ty do Hội đồng Quản trị thực hiện sau khi hoàn tất đợt phát hành, chào bán thêm cổ phần mới để tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua; h. Thông qua báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán; i. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng Quản trị gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông Công ty; j. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị; k. Phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận, quyết định lựa chọn hoặc ủy quyền Hội đồng Quản trị lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết; l. Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị; m. Thông qua báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Điều 45 Điều lệ Công ty; n. Thông qua báo cáo đánh giá của từng thành viên Hội đồng Quản trị độc lập về hoạt động của Hội đồng Quản trị; o. Thông qua số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị; p. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị;	Hợp nhất các khoản 1, 2 Điều 5

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p>d. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc;</p> <p>e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;</p> <p>f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;</p> <p>h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;</p> <p>i. Quyết định ngân sách hoặc tổng số tiền thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;</p> <p>j. Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận, quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh Vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới được thực hiện trên cơ sở Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ, đồng thời giao Hội đồng Quản trị thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ sau khi kết thúc mỗi đợt bán cổ phần, mà trường hợp này sẽ do Hội đồng Quản trị phê duyệt;</p> <p>l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;</p> <p>m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>p. Công ty mua lại từ trên 10% đến 30% tổng số cổ phần đã bán của Công ty;</p> <p>q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc các giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty với người có liên quan sau:</p> <p>i. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ;</p> <p>ii. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và Người có liên quan của họ;</p>	<p>q. Quyết định ngân sách hoặc tổng số tiền thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng Quản trị;</p> <p>r. Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>s. Quyết định giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>t. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>u. Quyết định mua lại từ trên 10% đến 30% tổng số cổ phần đã bán của Công ty;</p> <p>v. Thông qua các hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc các giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty với Người có liên quan sau đây:</p> <p>i. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và Người có liên quan của họ,</p> <p>ii. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và Người có liên quan của họ,</p> <p>iii. Doanh nghiệp có liên quan mà thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>w. Thông qua các hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty với Cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người có liên quan của Cổ đông đó;</p> <p>x. Thông qua các vấn đề khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.</p>	

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p>iii. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>r. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty với Cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của Cổ đông đó</p> <p>s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát;</p> <p>t. Các vấn đề khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>		
6.	Điểm b Khoản 2 Điều 6	<p>Điều 6. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>2. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật.</p>	<p>Điều 6. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>2. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật.</p>	Xóa bỏ Ban kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức
7.	Bỏ điểm d Khoản 2 Điều 6	<p>Điều 6. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>2. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.</p>		Xóa bỏ Ban kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức
8.	Điểm d Khoản 3 Điều 6	<p>Điều 6. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này phải có yêu cầu bằng văn bản nêu rõ thông tin sau đây:</p> <p>d. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</p>	<p>Điều 6. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này phải có yêu cầu bằng văn bản nêu rõ thông tin sau đây:</p> <p>d. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông (yêu cầu triệu tập cuộc họp) chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông.</p>	Bổ sung theo khoản 18 Điều 1 Luật số 76/2025 sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp
9.	Khoản 4 Điều 6	<p>Điều 6. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>4. Trình tự triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông</p>	<p>Điều 6. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>4. Trình tự triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c khoản 2 Điều này. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị</p>	Xóa bỏ Ban kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p>theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.</p> <p>c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại điểm b khoản này thì Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại điểm c khoản 2 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông. Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.</p>	<p>và các thành viên Hội đồng Quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại điểm c khoản 2 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông. Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.</p>	
10.	Khoản 5 Điều 6	<p>Điều 6. Thăm quyền triệu tập Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>5. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông yêu cầu Công ty hoàn trả các chi phí liên quan đến triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông phải cung cấp các hóa đơn, chứng từ hợp lệ có ghi đầy đủ và chính xác thông tin của Công ty theo quy định của pháp luật thuế.</p>	<p>Điều 6. Thăm quyền triệu tập Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>5. Chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông yêu cầu Công ty hoàn trả các chi phí liên quan đến triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông phải cung cấp các hóa đơn, chứng từ hợp lệ có ghi đầy đủ và chính xác thông tin của Công ty theo quy định của pháp luật thuế.</p>	Bổ sung theo khoản 20 Điều 1 Luật số 76/2025 sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp
11.	Khoản 4 Điều 7	<p>Điều 7. Lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp</p> <p>4. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị công bố thông tin về việc chốt danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Thông báo này được công bố thông tin cho các cơ quan chức năng và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p>	<p>Điều 7. Lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp</p> <p>4. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị công bố thông tin về việc chốt danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Thông báo này được công bố thông tin cho các cơ quan chức năng và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p>	Điều chỉnh từ ngữ theo khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp
12.	Khoản 1 Điều 8	<p>Điều 8. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>1. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ đông trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức bảo đảm đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty, trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán, UBCK (khi Công ty đang niêm yết hoặc đăng ký giao dịch).</p>	<p>Điều 8. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>1. Căn cứ danh sách Cổ đông có quyền dự họp được xác nhận từ Tổng Công ty Lưu ký và Thanh toán Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ đông bằng dịch vụ chuyển thư đến địa chỉ liên lạc hoặc/và bằng thư điện tử (email) hoặc/và tin nhắn điện thoại, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty, trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán và UBCK.</p>	Bổ sung phương thức gửi thư mời họp

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬ ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
13.	Điểm b Khoản 2 Điều 9	<p>Điều 9. Chương trình, nội dung và tài liệu họp Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>2. Chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các Cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;</p>	<p>Điều 9. Chương trình, nội dung và tài liệu họp Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>2. Chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các Cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị;</p>	Xóa bỏ Ban kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức
14.	Điểm a Khoản 2 Điều 13	<p>Điều 13. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được quy định như sau:</p> <p>a. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị khác làm Chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng Cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>Điều 13. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được quy định như sau:</p> <p>a. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị khác làm Chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán điều hành đề Đại hội đồng Cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p>	Xóa bỏ Ban kiểm soát, bổ sung Ủy ban kiểm toán do thay đổi cơ cấu tổ chức
15.	Khoản 3 Điều 14	<p>Điều 14. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết và kiểm phiếu</p> <p>3. Bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát được thực hiện như sau:</p> <p>a. Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các Cổ đông.</p> <p>b. Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Trưởng Ban kiểm phiếu và kết thúc khi Cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm bắt đầu tùy thuộc vào sự việc nào đến trước. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp tiến hành bỏ phiếu bầu Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát vào thùng phiếu tương ứng. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, thùng phiếu sẽ được Trưởng Ban kiểm phiếu niêm phong trước sự chứng kiến của các Cổ đông.</p> <p>c. Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu được niêm phong.</p>	<p>Điều 14. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết và kiểm phiếu</p> <p>3. Bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng Quản trị được thực hiện như sau:</p> <p>a. Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các Cổ đông.</p> <p>b. Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Trưởng Ban kiểm phiếu và kết thúc khi Cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm bắt đầu tùy thuộc vào sự việc nào đến trước. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp tiến hành bỏ phiếu bầu Hội đồng Quản trị vào thùng phiếu tương ứng. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, thùng phiếu sẽ được Trưởng Ban kiểm phiếu niêm phong trước sự chứng kiến của các Cổ đông.</p> <p>c. Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu được niêm phong.</p>	Xóa bỏ Ban kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức
16.	Mục vi Điểm a Khoản 5 Điều 14	<p>Điều 14. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết và kiểm phiếu</p> <p>5. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:</p> <p>a. Sau khi kiểm phiếu xong, Ban Kiểm phiếu lập Biên bản kết quả kiểm phiếu. Nội dung Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:</p>	<p>Điều 14. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết và kiểm phiếu</p> <p>5. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:</p> <p>a. Sau khi kiểm phiếu xong, Ban Kiểm phiếu lập Biên bản kết quả kiểm phiếu. Nội dung Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:</p>	Xóa bỏ Ban kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
		vi. Số và tỷ lệ số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến cho từng quyết định thông qua tại Đại hội và/ hoặc số phiếu bầu cho từng ứng cử viên vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát.	vi. Số và tỷ lệ số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến cho từng quyết định thông qua tại Đại hội và/ hoặc số phiếu bầu cho từng ứng cử viên vào Hội đồng Quản trị.	
17.	Khoản 1, 2 Điều 15	Điều 15. Điều kiện thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông 1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, khoản 2 Điều 24 và khoản 2 Điều 47 Quy chế này, các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua khi được số Cổ đông đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành. 2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 24 và khoản 2 Điều 47 Quy chế này: a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.	Điều 15. Điều kiện thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông 1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, Điều 17 và khoản 2 Điều 24 và Quy chế này, các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua khi được số Cổ đông đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành. 2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành trừ trường hợp quy định tại Điều 17 và khoản 2 Điều 24 và Quy chế này: a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.	Điều chỉnh điều khoản dẫn chiếu do thay đổi cơ cấu tổ chức
18.	Khoản 8 Điều 16	Điều 16. Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến 8. Nghị quyết thông qua theo hình thức hội nghị trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Điều 15, khoản 2 Điều 24 và khoản 2 Điều 47 Quy chế này và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp trực tiếp Đại hội đồng Cổ đông.	Điều 16. Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến 8. Nghị quyết thông qua theo hình thức hội nghị trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Điều 15, khoản 2 Điều 24 Quy chế này và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp trực tiếp Đại hội đồng Cổ đông.	Điều chỉnh điều khoản dẫn chiếu do thay đổi cơ cấu tổ chức
19.	Khoản 1 Điều 17	Điều 17. Tổ chức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông 1. Căn cứ tình hình thực tế và xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, Hội đồng Quản trị quyết định lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông về tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.	Điều 17. Tổ chức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông 1. Căn cứ tình hình thực tế và xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, Hội đồng Quản trị quyết định lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bao gồm: a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty; kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; b. Quyết định thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c. Quyết định thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; d. Quyết định tăng, giảm Vốn điều lệ; e. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; f. Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần; g. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh Phụ lục 01 Điều lệ Công ty do Hội đồng Quản trị thực hiện sau khi hoàn tất đợt phát hành, chào bán thêm cổ phần mới để tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua; h. Thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán;	Quy định chi tiết các nội dung được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
			<p>i. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng Quản trị gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông Công ty;</p> <p>j. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị;</p> <p>k. Phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận, quyết định lựa chọn hoặc ủy quyền Hội đồng Quản trị lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>l. Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị;</p> <p>m. Thông qua báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Điều 45 Điều lệ Công ty;</p> <p>n. Thông qua báo cáo đánh giá của từng thành viên Hội đồng Quản trị độc lập về hoạt động của Hội đồng Quản trị;</p> <p>o. Thông qua số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị;</p> <p>p. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị;</p> <p>q. Quyết định ngân sách hoặc tổng số tiền thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng Quản trị;</p> <p>r. Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>s. Quyết định giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>t. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>u. Quyết định mua lại từ trên 10% đến 30% tổng số cổ phần đã bán của Công ty;</p> <p>v. Thông qua các hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc các giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty với người có liên quan sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> i. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ, ii. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và Người có liên quan của họ, iii. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định của Luật Doanh nghiệp; 	

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
			<p>w. Thông qua các hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty với Cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của Cổ đông đó;</p> <p>x. Thông qua các vấn đề khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	
20.	Khoản 2 Điều 17	<p>Điều 17. Tổ chức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Quy chế này và khoản 3 Điều 22 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Điều 17. Tổ chức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Các tài liệu này được gửi đến tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết theo danh sách Cổ đông được xác nhận từ Tổng Công ty Lưu ký và Thanh toán Bù trừ Chứng khoán Việt Nam chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến theo quy định như sau:</p> <p>a. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi đến Cổ đông bằng dịch vụ chuyển thư đến địa chỉ liên lạc hoặc/và bằng thư điện tử (email) hoặc/và bằng phương thức liên lạc khác, đồng thời được đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty;</p> <p>b. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết có thể được đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty hoặc/và gửi bằng dịch vụ chuyển thư đến địa chỉ liên lạc hoặc/và bằng thư điện tử (email) đến Cổ đông hoặc/và bằng phương thức liên lạc khác.</p>	Quy định chi tiết cách thức gửi phiếu lấy ý kiến
21.	Khoản 7 Điều 17	<p>Điều 17. Tổ chức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>7. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Công ty;</p>	<p>Điều 17. Tổ chức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>7. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Công ty;</p>	Xóa bỏ Ban kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức
22.	Khoản 10 Điều 17	<p>Điều 17. Tổ chức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>10. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản nếu được số Cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết tán thành; trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị được thông qua theo quy định tại khoản 2 Điều 24 và trường hợp bầu thành viên Ban Kiểm soát được thông qua theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Quy chế này. Nghị quyết được thông qua theo hình</p>	<p>Điều 17. Tổ chức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>10. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản nếu được số Cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết tán thành; trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị được thông qua theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Quy chế này. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.</p>	Xóa bỏ Ban kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
		thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.		
23.	Khoản 1 Điều 18	Điều 18. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông 1. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thông qua họp trực tiếp, hội nghị trực tuyến, họp trực tiếp kết hợp hội nghị trực tuyến hay lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản đề thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông đều phải tuân thủ quy định tại Điều này và Điều 28 Điều lệ Công ty.	Điều 18. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông 1. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông được thông qua dưới bất kỳ hình thức nào (họp trực tiếp, họp trực tuyến, họp trực tiếp kết hợp trực tuyến hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản) đều phải tuân thủ quy định tại Điều này và Điều 28 Điều lệ Công ty.	Điều chỉnh từ ngữ làm rõ
24.	Khoản 4 Điều 20	Điều 20. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 4. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty.	Điều 20. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 4. Quyết định giá bán cổ phần, trái phiếu và các chứng khoán chuyển đổi của Công ty.	Bổ sung thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo nguyên tắc không trái với các quy định pháp luật và tham khảo thông lệ thị trường
25.	Khoản 8 Điều 20	Điều 20. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 8. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty với người có liên quan sau đây: a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ; b. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và Người có liên quan của họ; c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	Điều 20. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 14. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty với người có liên quan sau đây: a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ; b. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và Người có liên quan của họ; c. Doanh nghiệp có liên quan mà thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	Xóa bỏ Ban Kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức
26.	Khoản 9 Điều 20	Điều 20. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 9. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại điểm q và r khoản 2 Điều 5 Quy chế này hoặc Luật Doanh nghiệp có quy định khác.	Điều 20. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 15. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại điểm v và w khoản 1 Điều 5 Quy chế này hoặc Luật Doanh nghiệp có quy định khác.	Điều chỉnh điều khoản dẫn chiếu
27.	Khoản 10 Điều 20	Điều 20. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 10. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và người điều hành quan trọng của Công ty được quy định tại Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị; quyết định mức lương và lợi ích khác của các người điều hành đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia hội đồng thành viên hoặc đại hội hội đồng cổ	Điều 20. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 16. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành quan trọng của Công ty được quy định tại Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị; quyết định mức lương và lợi ích khác của các Người điều hành đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia hội đồng thành viên hoặc đại hội hội đồng cổ	Sửa đổi từ ngữ để phù hợp với cơ cấu tổ chức

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
		đồng ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.	đồng ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.	
28.	Khoản 17 Điều 20	Điều 20. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 17. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua; quyết định ban hành quy chế hoạt động của Tiểu ban kiểm toán, Tiểu ban quản trị rủi ro, Tiểu ban lương thưởng trực thuộc Hội đồng Quản trị, quyết định ban hành quy chế về công bố thông tin của Công ty và các quy chế nội bộ khác của Công ty.	Điều 20. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 25. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua; quyết định ban hành quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Tiểu ban quản trị rủi ro, Tiểu ban lương thưởng trực thuộc Hội đồng Quản trị, quyết định ban hành quy chế về công bố thông tin của Công ty và các quy chế nội bộ khác của Công ty.	Bổ sung Ủy ban kiểm toán do thay đổi cơ cấu tổ chức
29.	Khoản 21 Điều 20	Điều 20. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 21. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.	Điều 20. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 29. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.	Xóa bỏ Ban Kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức
30.	Khoản 23 Điều 20	Điều 20. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 23. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty.	Điều 20. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 30. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị Công ty và Người quản lý khác của Công ty.	Bổ sung Người phụ trách quản trị Công ty theo khoản 81 Điều 1 Nghị định 245/2025 sửa đổi Nghị định 155/2020
31.	Khoản 27 Điều 20	Điều 20. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 27. Mua bảo hiểm trách nhiệm quản lý không nhằm mục đích mang lại lợi ích vật chất hay thu nhập cho Người quản lý và Kiểm soát viên.	Điều 20. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 34. Mua bảo hiểm trách nhiệm quản lý không nhằm mục đích mang lại lợi ích vật chất hay thu nhập cho Người quản lý.	Xóa bỏ Kiểm soát viên do thay đổi cơ cấu tổ chức
32.	Bổ sung Khoản 6 Điều 20		Điều 20. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 6. Quyết định việc tạm ứng cổ tức, thực hiện chi trả cổ tức sau khi đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên thông qua.	Bổ sung thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo khoản 81 Điều 1 Nghị định 245/2025 sửa đổi Nghị định 155/2020
33.	Bổ sung Khoản 8 Điều 20		Điều 20. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 8. Quyết định việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm cả quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ.	Bổ sung thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo nguyên tắc không trái với các quy định pháp luật và tham khảo thông lệ thị trường
34.	Bổ sung Khoản 9 Điều 20		Điều 20. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 9. Quyết định việc chào bán, phát hành, niêm yết trái phiếu, chứng quyền, chứng quyền có bảo đảm;	Bổ sung thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo khoản 2 Điều 31 Luật Chứng khoán và khoản 72 Điều 1 Nghị định

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
				245/2025 sửa đổi Nghị định 155/2020
35.	Bổ sung Khoản 10 Điều 20		Điều 20. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 10. Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu, hồ sơ chào bán trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp gần nhất; báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ chào bán trái phiếu.	Bổ sung thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo khoản 2 Điều 31 Luật Chứng khoán và điểm a khoản 2 Điều 13 Nghị định 153/2020
36.	Bổ sung Khoản 11 Điều 20		Điều 20. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 11. Quyết định thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền, trừ trường hợp chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền theo phương án được Hội đồng Quản trị thông qua. Việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành phải được báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp gần nhất.	Bổ sung thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo khoản 2 Điều 9 Nghị định 155/2020
37.	Bổ sung Khoản 18, 19 Điều 20		Điều 20. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 18. Bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị; 19. Bổ nhiệm Trưởng tiểu ban của các tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị;	Bổ sung thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo khoản 5 Điều 282 Nghị định 155/2020 và Điều lệ mẫu
38.	Khoản 3 Điều 21	Điều 21. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị 3. Cơ cấu Hội đồng Quản trị phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị phải là thành viên không điều hành và số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên độc lập trong từng nhiệm kỳ phải đảm bảo: a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp có 05 thành viên Hội đồng Quản trị; b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp có số thành viên Hội đồng Quản trị từ 06 đến 08 thành viên; c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng Quản trị từ 09 đến 11 thành viên.	Điều 21. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị 3. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành trong từng nhiệm kỳ phải đảm bảo: a. Tối thiểu một (01) thành viên không điều hành trong trường hợp có số thành viên Hội đồng Quản trị từ ba (03) đến năm (05) thành viên; b. Tối thiểu hai (02) thành viên không điều hành trong trường hợp có số thành viên Hội đồng Quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên; c. Tối thiểu ba (03) thành viên không điều hành trong trường hợp có số thành viên Hội đồng Quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên. 4. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên độc lập trong từng nhiệm kỳ phải đảm bảo: a. Tối thiểu một (01) thành viên độc lập trong trường hợp có năm (05) thành viên Hội đồng Quản trị; b. Tối thiểu hai (02) thành viên độc lập trong trường hợp có số thành viên Hội đồng Quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên;	Bổ sung theo khoản 79 Điều 1 Nghị định 245/2025 sửa đổi Nghị định 155/2020

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
			c. Tối thiểu ba (03) thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng Quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên.	
39.	Bổ sung Điểm c Khoản 1 Điều 22 Dự thảo		Điều 22. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng Quản trị 1. Tiêu chuẩn và điều kiện chung của các thành viên Hội đồng Quản trị: c. Không được đồng thời là thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên quá năm (05) công ty khác.	Bổ sung theo khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025 sửa đổi, bổ sung Nghị định 155/2020
40.	Khoản 4, 5 Điều 28	Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị 4. Thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị. 5. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị.	Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị 4. Thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại Ủy ban kiểm toán, các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị. 5. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán hoặc các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị.	Bổ sung Ủy ban kiểm toán do thay đổi cơ cấu tổ chức
41.	Khoản 3 Điều 29	Điều 29. Thông báo họp Hội đồng Quản trị 3. Thông báo mời họp và các tài liệu họp kèm theo cũng được gửi đến các Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và thư ký Hội đồng Quản trị như đối với các thành viên Hội đồng Quản trị.	Điều 29. Thông báo họp Hội đồng Quản trị 3. Thông báo mời họp và các tài liệu họp kèm theo cũng được gửi đến Tổng Giám đốc và thư ký Hội đồng Quản trị như đối với các thành viên Hội đồng Quản trị.	Xóa bỏ Ban Kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức
42.	Điểm a Khoản 3 và Khoản 5 Điều 30	Điều 30. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng Quản trị 3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng Quản trị; 5. Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	Điều 30. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng Quản trị 3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a. Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị; 5. Tổng Giám đốc có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	Xóa bỏ Ban Kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức
43.	Khoản 4 Điều 32	Điều 32. Biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị 4. Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 6 Điều 47 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.	Điều 32. Biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị 4. Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Khoản 6 Điều 46 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.	Điều chỉnh điều khoản dẫn chiếu

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬ ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
44.	Khoản 2 Điều 33	Điều 33. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị 2. Các nghị quyết, quyết định được Hội đồng Quản trị thông qua trong một cuộc họp trực tiếp, hội nghị trực tuyến, điện thoại hoặc hình thức nghị sự khác được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực.	Điều 33. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị 2. Các nghị quyết, quyết định được Hội đồng Quản trị thông qua tại cuộc họp được tổ chức và tiến hành hợp lệ dưới hình thức họp trực tiếp, họp trực tuyến, họp qua điện thoại hoặc hình thức nghị sự khác đều có giá trị và hiệu lực thi hành.	Điều chỉnh từ ngữ làm rõ
45.	Khoản 1 Điều 36	Điều 36. Nghị quyết Hội đồng Quản trị 1. Nghị quyết Hội đồng Quản trị phải gửi đến tất cả thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày nghị quyết được thông qua.	Điều 36. Nghị quyết Hội đồng Quản trị 1. Nghị quyết Hội đồng Quản trị phải gửi đến tất cả thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày nghị quyết được thông qua.	Xóa bỏ Ban Kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức
46.	Khoản 1 Điều 38	Điều 38. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị 1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro theo quy định tại các Điều 39, 40 và 41 của Quy chế này.	Điều 39. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị 1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, quản lý rủi ro và các tiểu ban khác theo quy định tại các Điều 39, 40 và 41 của Quy chế này.	Sửa đổi để phù hợp với cơ cấu tổ chức và vận hành của công ty
47.	Bổ sung Điều 38 Dự thảo		Điều 38. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị 1. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán a. Giám sát tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính của Công ty và các thông tin công bố chính thức liên quan đến tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Công ty. b. Giám sát, đánh giá hoạt động bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty. c. Giám sát các hoạt động khác nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty. d. Kiến nghị tổ chức kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với tổ chức kiểm toán để Hội đồng Quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng Cổ đông thường niên phê duyệt. e. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của tổ chức kiểm toán độc lập và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán, tư vấn của tổ chức kiểm toán độc lập. f. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán. g. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro. h. Xem xét và đề xuất Hội đồng Quản trị thông qua các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro, các biện pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty. i. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông và đưa ra khuyến nghị	Bổ sung theo Điều lệ mẫu, Điều 283 Nghị định 155/2020 và khoản 3 Điều 161 Luật Doanh nghiệp

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
			<p>về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông.</p> <p>j. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng Quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.</p> <p>k. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán, tài chính hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.</p> <p>l. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng Quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>m. Xây dựng, xem xét và đánh giá tính đầy đủ của Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và đề xuất các sửa đổi, bổ sung đối với Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán để trình Hội đồng Quản trị thông qua.</p> <p>n. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán.</p> <p>2. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán</p> <p>a. Trừ trường hợp Hội đồng Quản trị có quyết định khác, nhiệm kỳ của Ủy ban kiểm toán cùng với nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị. Khi Hội đồng Quản trị kết thúc nhiệm kỳ, Ủy ban kiểm toán tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cho đến khi Hội đồng Quản trị mới bổ nhiệm thành viên thay thế.</p> <p>b. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên, số lượng thành viên Ủy ban kiểm toán cụ thể trong từng nhiệm kỳ do Hội đồng Quản trị quyết định. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành.</p> <p>c. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ủy ban kiểm toán</p> <p>Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>i. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>ii. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>d. Tiêu chuẩn và điều kiện Chủ tịch Ủy ban kiểm toán</p>	

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬ ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
			<p>Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.</p> <p>e. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán.</p> <p>3. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng Quản trị quy định thông qua Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán.</p>	
48.	Bỏ Điều 39	<p>Điều 39. Tiểu ban Kiểm toán nội bộ</p> <p>1. Tiểu ban Kiểm toán nội bộ là cơ quan giúp việc cho Hội đồng Quản trị thực hiện một số quyền hạn và nhiệm vụ liên quan đến công tác kiểm toán nội bộ của Hội đồng Quản trị. Tiểu ban Kiểm toán nội bộ không thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến báo cáo tài chính thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc và kiểm toán độc lập, và không thực hiện các nhiệm vụ của bộ phận kiểm toán nội bộ kiểm toán nội bộ thuộc Ban Điều hành.</p> <p>2. Số lượng thành viên Tiểu ban Kiểm toán nội bộ do Hội đồng Quản trị quyết định. Các thành viên có thể là thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên bên ngoài, phải đáp ứng các yêu cầu về kinh nghiệm và chuyên môn. Hội đồng Quản trị bầu hoặc chỉ định các thành viên Tiểu ban Kiểm toán nội bộ và lựa chọn trong số các thành viên một người làm Trưởng ban.</p> <p>3. Trừ trường hợp Hội đồng Quản trị có quyết định khác, nhiệm kỳ của Tiểu ban Kiểm toán nội bộ giống với nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị. Khi Hội đồng Quản trị kết thúc nhiệm kỳ, Tiểu ban Kiểm toán nội bộ tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cho đến khi Hội đồng Quản trị mới bầu thành viên thay thế.</p> <p>4. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tiểu ban Kiểm toán nội bộ do Hội đồng Quản trị quy định thông qua quy chế hoạt động của Tiểu ban này.</p>		Xóa bỏ để phù hợp với cơ cấu tổ chức mới (Ủy ban kiểm toán)
49.	Điểm b, f, g Khoản 5 Điều 42	<p>Điều 42. Người phụ trách quản trị Công ty</p> <p>5. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng Cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>g. Tiếp nhận, quản lý việc công khai lợi ích và các hợp đồng, giao dịch từ các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc;</p>	<p>Điều 42. Người phụ trách quản trị Công ty</p> <p>5. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị;</p> <p>g. Tiếp nhận, quản lý việc công khai lợi ích và các hợp đồng, giao dịch từ các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc;</p>	Xóa bỏ Ban Kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức
50.	Bỏ từ Điều 43 đến Điều 51	<p>Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát</p> <p>Điều 44. Thành phần và nhiệm kỳ Ban Kiểm soát</p>		Xóa bỏ Ban Kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
		Điều 45. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát Điều 46. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên) Điều 47. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát Điều 48. Trưởng Ban Kiểm soát Điều 49. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát Điều 50. Cuộc họp của Ban Kiểm soát Điều 51. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát		
51.	Khoản 7 Điều 54	Điều 54. Tiêu chuẩn và điều kiện Tổng Giám đốc 7. Không được là người có quan hệ gia đình của Người quản lý Công ty khác hoặc Kiểm soát viên của Công ty.	Điều 45. Tiêu chuẩn và điều kiện Tổng Giám đốc 7. Không được là người có quan hệ gia đình, người có liên quan của Người quản lý Công ty, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty.	Bổ sung theo khoản 83 Điều 1 Nghị định 245/2025 sửa đổi, bổ sung Nghị định 155/2020
52.	Chương VI	CHƯƠNG VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	CHƯƠNG V. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	Xóa bỏ Ban Kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức
53.	Điều 57	Điều 57. Trao đổi thông tin, tham dự họp và đề nghị họp 1. Tại tất cả các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị mời thành viên Ban Kiểm soát (Trưởng Ban Kiểm soát và/hoặc Kiểm soát viên) tham dự và có thể mời Tổng Giám đốc, thành viên Ban Điều hành tham dự. 2. Tại các cuộc họp của Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Điều hành và thành viên của các Tiểu ban. 3. Tại các cuộc họp quan trọng của Ban Điều hành, Tổng Giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và thành viên của các Tiểu ban. 4. Thông báo mời họp của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải có thời gian, địa điểm, nội dung họp và gửi kèm theo tài liệu họp ít nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. 5. Biên bản và Nghị quyết họp được gửi cho tất cả các thành viên tham dự trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày kết thúc họp. 6. Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát có quyền đề nghị triệu tập họp Hội đồng Quản trị khi cần thiết hoặc khi phát sinh các sự kiện ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của Công ty và các trường hợp theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.	Điều 48. Trao đổi thông tin, tham dự họp và đề nghị họp 1. Tại tất cả các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể mời Tổng Giám đốc, thành viên Ban Điều hành tham dự. 2. Tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán có thể mời một số thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Điều hành, thành viên của các Tiểu ban và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận. 3. Tại các cuộc họp quan trọng của Ban Điều hành, Tổng Giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán và thành viên của các Tiểu ban. 4. Thông báo mời họp của Hội đồng Quản trị phải có thời gian, địa điểm, nội dung họp và gửi kèm theo tài liệu họp ít nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. 5. Biên bản và Nghị quyết họp được gửi cho tất cả các thành viên tham dự trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày kết thúc họp. 6. Tổng Giám đốc có quyền đề nghị triệu tập họp Hội đồng Quản trị khi cần thiết hoặc khi phát sinh các sự kiện ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của Công ty và các trường hợp theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật. 7. Tổng Giám đốc cần xin ý kiến Hội đồng Quản trị khi cần thiết hoặc khi phát sinh các sự kiện ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của Công ty và các trường hợp theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.	Xóa bỏ Ban Kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
		7. Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát cần xin ý kiến Hội đồng Quản trị khi cần thiết hoặc khi phát sinh các sự kiện ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của Công ty và các trường hợp theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.		
54.	Điều 58	Điều 58. Thông báo nghị quyết Hội đồng Quản trị cho Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Tất cả các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và các văn bản có tính chất quản trị chung do Hội đồng Quản trị ban hành đều được gửi đến Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày nghị quyết, quyết định và các văn bản được ban hành.	Điều 49. Thông báo nghị quyết Hội đồng Quản trị cho Tổng Giám đốc Tất cả các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và các văn bản có tính chất quản trị chung do Hội đồng Quản trị ban hành đều được gửi đến Tổng Giám đốc trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày nghị quyết, quyết định và các văn bản được ban hành.	Xóa bỏ Ban Kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức
55.	Khoản 3 Điều 59	Điều 59. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng Quản trị 3. Tổng Giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu ý kiến của mình đối với các quyết định của Hội đồng Quản trị nếu thấy trái với pháp luật và báo cáo ngay với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát bằng văn bản. Hội đồng Quản trị có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành quyết định của Tổng Giám đốc nếu thấy trái với pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng Quản trị.	Điều 50. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng Quản trị 3. Tổng Giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu ý kiến của mình đối với các quyết định của Hội đồng Quản trị nếu thấy trái với pháp luật và báo cáo ngay với Hội đồng Quản trị bằng văn bản. Hội đồng Quản trị có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành quyết định của Tổng Giám đốc nếu thấy trái với pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng Quản trị.	Xóa bỏ Ban Kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức
56.	Điều 60	Điều 60. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát 1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh định kỳ hàng quý, 06 tháng và hàng năm. 2. Kế hoạch kinh doanh hàng năm. 3. Những vấn đề khác thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị	Điều 51. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo Hội đồng Quản trị 1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh định kỳ hàng quý, 06 tháng và hàng năm. 2. Kế hoạch kinh doanh hàng năm. 3. Những vấn đề khác thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị.	Xóa bỏ Ban Kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức
57.	Khoản 1, 5 và 6 Điều 61	Điều 61. Phối hợp hoạt động giữa các thành viên Hội đồng Quản trị, các Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc 1. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của các thành viên theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành. Trong quá trình thực hiện chức năng quản trị, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát tạo điều kiện để Tổng Giám đốc và các Giám đốc điều hành thực hiện tốt chức năng của mình. Tổng Giám đốc tạo điều kiện cần thiết để các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công. 5. Khi Ban Kiểm soát đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, Hội đồng Quản trị phải có ý kiến phản hồi để cùng đưa ra quyết định chọn công ty kiểm toán phù hợp nhất.	Điều 52. Phối hợp hoạt động giữa các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc 1. Các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của các thành viên theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành. Trong quá trình thực hiện chức năng quản trị, Hội đồng Quản trị tạo điều kiện để Tổng Giám đốc và các Giám đốc điều hành thực hiện tốt chức năng của mình. Tổng Giám đốc tạo điều kiện cần thiết để các thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công. 5. Khi Ủy ban kiểm toán đề xuất tổ chức kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với tổ chức kiểm toán, Hội đồng Quản trị phải có ý kiến phản hồi để cùng đưa ra quyết định chọn tổ chức kiểm toán phù hợp nhất.	Xóa bỏ Ban Kiểm soát, bổ sung Ủy ban kiểm toán do thay đổi cơ cấu tổ chức

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
		6. Sau các cuộc kiểm tra định kỳ hay đột xuất, Ban Kiểm soát phải gửi kết luận kiểm tra bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị để Hội đồng Quản trị nắm rõ tình hình Công ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải trao đổi với Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc trước khi quyết định báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông.	6. Sau các cuộc kiểm tra định kỳ hay đột xuất, Ủy ban kiểm toán phải gửi kết luận kiểm tra bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị để Hội đồng Quản trị nắm rõ tình hình Công ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra, Ủy ban kiểm toán phải trao đổi với Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc trước khi quyết định báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông.	
58.	Chương VII	CHƯƠNG VII. ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	CHƯƠNG VI. ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	Xóa bỏ Ban Kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức
59.	Khoản 1 và 3 Điều 62	Điều 62. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc 1. Hàng năm căn cứ vào chức năng và nhiệm vụ được phân công, thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc phải lập báo cáo kết quả hoạt động trong năm trình người có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, đánh giá và phê duyệt. 3. Tiêu chí đánh giá hoạt động tối thiểu gồm các nội dung như sau: a. Đối với thành viên Hội đồng Quản trị/ Kiểm soát viên i. Số lần tham dự các kỳ họp chính thức và bất thường; ii. Mức độ hoàn thành công việc được giao; iii. Số lần vi phạm kỷ luật.	Điều 53. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc 1. Hàng năm căn cứ vào chức năng và nhiệm vụ được phân công, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc phải lập báo cáo kết quả hoạt động trong năm trình người có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, đánh giá và phê duyệt. 3. Tiêu chí đánh giá hoạt động tối thiểu gồm các nội dung như sau: a. Đối với thành viên Hội đồng Quản trị/ thành viên Ủy ban kiểm toán i. Số lần tham dự các kỳ họp chính thức và bất thường; ii. Mức độ hoàn thành công việc được giao; iii. Số lần vi phạm kỷ luật.	Xóa bỏ Ban Kiểm soát, bổ sung Ủy ban kiểm toán do thay đổi cơ cấu tổ chức
60.	Khoản 1 Điều 64	Điều 64. Xử lý vi phạm và kỷ luật 1. Hàng năm, Công ty căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự thiếu cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn yếu kém sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.	Điều 55. Xử lý vi phạm và kỷ luật 1. Hàng năm, Công ty căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự thiếu cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn yếu kém sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.	Xóa bỏ Ban Kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức
61.	Khoản 1 Điều 66	Điều 66. Điều khoản thi hành 1. Quy chế này gồm 8 chương 66 điều do Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 08 tháng 08 năm 2022, có hiệu lực kể từ ngày thông qua.	Điều 57. Điều khoản thi hành 1. Quy chế này gồm bảy (07) Chương năm mươi bảy (57) Điều do Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 22 tháng 04 năm 2026, có hiệu lực kể từ ngày thông qua.	Điều chỉnh thông tin
62.	Khoản 3 Điều 66	Điều 66. Điều khoản thi hành 3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị mới có giá trị.	Điều 57. Điều khoản thi hành 3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền mới có giá trị.	Bổ sung thẩm quyền ký bản sao



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH
Bảng chi tiết thay đổi Quy chế Hội đồng Quản trị năm 2026

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
1.	Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none">Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và được sửa đổi, bổ sung ngày 11/01/2022;Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;Nghị định số 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là “Công ty”);	<ul style="list-style-type: none">Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (như được sửa đổi và/hoặc bổ sung theo từng thời điểm);Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (như được sửa đổi và/hoặc bổ sung theo từng thời điểm);Nghị định số 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (như được sửa đổi và/hoặc bổ sung theo từng thời điểm);Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán (như được sửa đổi và/hoặc bổ sung theo từng thời điểm);Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (như được sửa đổi và/hoặc bổ sung theo từng thời điểm);Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là “Công ty”);	Điều chỉnh từ ngữ do quy định pháp luật sẽ được sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm
2.	Khoản 3 Điều 3	Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị 3. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá hàng năm về hoạt động của Hội đồng Quản trị để Hội đồng Quản trị tổng hợp và báo cáo Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 32 Điều lệ Công ty.	Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị 3. Từng thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phải lập báo cáo đánh giá hàng năm về hoạt động của Hội đồng Quản trị để Hội đồng Quản trị tổng hợp và báo cáo Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 32 Điều lệ Công ty.	Bổ sung theo khoản 80 Điều 1 Nghị định 245/2025 sửa đổi, bổ sung Nghị định 155/2020
3.	Bổ sung Điểm c Khoản 1 Điều 6 Dự thảo		Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng Quản trị 1. Tiêu chuẩn và điều kiện chung của các thành viên Hội đồng Quản trị: c. Không được đồng thời là thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên quá 05 công ty khác.	Bổ sung theo khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025 sửa đổi, bổ sung Nghị định 155/2020
4.	Điểm d Khoản 2 Điều 12	Điều 12. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:	Điều 12. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:	Bổ sung thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo



STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
		d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;	d. Quyết định giá bán cổ phần, trái phiếu và các chứng khoán chuyển đổi của Công ty;	nguyên tắc không trái với các quy định pháp luật và tham khảo thông lệ thị trường
5.	Điểm o Khoản 2 Điều 12	Điều 12. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: o. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua; quyết định ban hành quy chế hoạt động của Tiểu ban kiểm toán, Tiểu ban quản trị rủi ro, Tiểu ban lương thưởng trực thuộc Hội đồng Quản trị, quyết định ban hành quy chế về công bố thông tin của Công ty và các quy chế nội bộ khác của Công ty;	Điều 12. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: w. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua; quyết định ban hành quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị, Tiểu ban quản trị rủi ro, Tiểu ban lương thưởng trực thuộc Hội đồng Quản trị, quyết định ban hành quy chế về công bố thông tin của Công ty và các quy chế nội bộ khác của Công ty;	Bổ sung Ủy ban kiểm toán do thay đổi cơ cấu tổ chức
6.	Điểm s Khoản 2 Điều 12	Điều 12. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: s. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;	Điều 12. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: aa. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;	Xóa bỏ Ban Kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức
7.	Điểm u Khoản 2 Điều 12	Điều 12. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: u. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty;	Điều 12. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: bb. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị Công ty và Người quản lý khác của Công ty;	Bổ sung Người phụ trách quản trị Công ty theo khoản 81 Điều 1 Nghị định 245/2025 sửa đổi Nghị định 155/2020
8.	Điểm y Khoản 2 Điều 12	Điều 12. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: y. Mua bảo hiểm trách nhiệm quản lý không nhằm mục đích mang lại lợi ích vật chất hay thu nhập cho Người quản lý và Kiểm soát viên;	Điều 12. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: ff. Mua bảo hiểm trách nhiệm quản lý không nhằm mục đích mang lại lợi ích vật chất hay thu nhập cho Người quản lý;	Xóa bỏ Ban Kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức
9.	Bổ sung Điểm f Khoản 2 Điều 12 Dự thảo		Điều 12. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: f. Quyết định việc tạm ứng cổ tức, thực hiện chi trả cổ tức sau khi đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên thông qua;	Bổ sung thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo khoản 81 Điều 1 Nghị định 245/2025 sửa đổi Nghị định 155/2020
10.	Bổ sung Điểm h Khoản 2 Điều 12 Dự thảo		Điều 12. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:	Bổ sung thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo nguyên tắc không trái với các quy định pháp

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
			h. Quyết định việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm cả quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;	luật và tham khảo thông lệ thị trường
11.	Bổ sung Điểm i Khoản 2 Điều 12 Dự thảo		Điều 12. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: i. Quyết định việc chào bán, phát hành, niêm yết trái phiếu, chứng quyền, chứng quyền có bảo đảm;	Bổ sung thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo khoản 2 Điều 31 Luật Chứng khoán và khoản 72 Điều 1 Nghị định 245/2025 sửa đổi Nghị định 155/2020
12.	Bổ sung Điểm j Khoản 2 Điều 12 Dự thảo		Điều 12. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: j. Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu, hồ sơ chào bán trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp gần nhất; báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ chào bán trái phiếu;	Bổ sung thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo khoản 2 Điều 31 Luật Chứng khoán và điểm a khoản 2 Điều 13 Nghị định 153/2020
13.	Bổ sung Điểm k Khoản 2 Điều 12 Dự thảo		Điều 12. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: k. Quyết định thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền, trừ trường hợp chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền theo phương án được Hội đồng Quản trị thông qua. Việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành phải được báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp gần nhất;	Bổ sung thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo khoản 2 Điều 9 Nghị định 155/2020
14.	Bổ sung Điểm p, q Khoản 2 Điều 12 Dự thảo		Điều 12. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: p. Bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị; q. Bổ nhiệm Trưởng tiểu ban của các tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị;	Bổ sung thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo khoản 5 Điều 282 Nghị định 155/2020 và Điều lệ mẫu
15.	Khoản 3 Điều 12	Điều 12. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 3. Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết.	Điều 12. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 3. Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp trực tiếp hoặc qua điện thoại hoặc cuộc họp trực tuyến, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức nghị sự khác hoặc là kết hợp một số	Điều chỉnh từ ngữ làm rõ

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
			phương thức này. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết.	
16.	Điểm b, c Khoản 1 Điều 13	<p>Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng, giao dịch</p> <p>1. Hội đồng Quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty với người có liên quan sau đây:</p> <p>b. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và Người có liên quan của họ;</p> <p>c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng, giao dịch</p> <p>1. Hội đồng Quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty với người có liên quan sau đây:</p> <p>b. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và Người có liên quan của họ;</p> <p>c. Doanh nghiệp có liên quan mà thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	Xóa bỏ Ban Kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức
17.	Khoản 3 Điều 13	<p>Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng, giao dịch</p> <p>3. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng Quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này không có quyền biểu quyết.</p>	<p>Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng, giao dịch</p> <p>3. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng Quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng Quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này không có quyền biểu quyết.</p>	Xóa bỏ Ban Kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức
18.	Điểm b Khoản 1 Điều 14	<p>Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>1. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật.</p>	<p>Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>1. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật.</p>	Xóa bỏ Ban Kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức
19.	Bỏ Điểm d Khoản 1 Điều 14	<p>Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>1. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.</p>		Xóa bỏ Ban Kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức
20.	Điểm d Khoản 2 Điều 14	<p>Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo</p>	<p>Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo</p>	Bổ sung theo khoản 18 Điều 1 Luật số 76/2025 sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p>quy định tại điểm c khoản 1 Điều này phải có yêu cầu bằng văn bản nêu rõ thông tin sau đây:</p> <p>d. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</p>	<p>quy định tại điểm c khoản 1 Điều này phải có yêu cầu bằng văn bản nêu rõ thông tin sau đây:</p> <p>d. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông (yêu cầu triệu tập cuộc họp) chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông.</p>	
21.	Khoản 3 Điều 14	<p>Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.</p>	<p>Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.</p>	Xóa bỏ Ban Kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức
22.	Điểm e Khoản 4 Điều 14	<p>Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>4. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>e. Chuẩn bị dự thảo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.</p>	<p>Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>4. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>e. Chuẩn bị dự thảo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị.</p>	Xóa bỏ Ban Kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức
23.	Khoản 1, 2 Điều 15	<p>Điều 15. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị</p> <p>1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.</p> <p>2. Số lượng thành viên của mỗi tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định tùy từng thời điểm. Một trong số các thành viên này được lựa chọn làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Thành viên tiểu ban có thể đồng thời là thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên bên ngoài. Mỗi tiểu ban có tối thiểu một thành viên độc lập Hội đồng Quản trị/thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành.</p>	<p>Điều 15. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị</p> <p>1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, quản lý rủi ro và các tiểu ban khác theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.</p> <p>2. Số lượng thành viên của mỗi tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định tùy từng thời điểm nhưng phải đảm bảo tối thiểu có ba (03) thành viên. Một trong số các thành viên này được lựa chọn làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Thành viên tiểu ban có thể đồng thời là thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên bên ngoài. Mỗi tiểu ban có tối thiểu một thành viên độc lập Hội đồng Quản trị/thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành.</p>	Sửa đổi để phù hợp với cơ cấu tổ chức và vận hành của công ty

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
24.	Điểm a Khoản 3 Điều 16	Điều 16. Cuộc họp Hội đồng Quản trị 3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;	Điều 16. Cuộc họp Hội đồng Quản trị 3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a. Có đề nghị thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;	Xóa bỏ Ban Kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức
25.	Khoản 7 Điều 16	Điều 16. Cuộc họp Hội đồng Quản trị 7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc như đối với các thành viên Hội đồng Quản trị. Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	Điều 16. Cuộc họp Hội đồng Quản trị 7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Tổng Giám đốc như đối với các thành viên Hội đồng Quản trị. Tổng Giám đốc có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	Xóa bỏ Ban Kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức
26.	Khoản 10 Điều 16	Điều 16. Cuộc họp Hội đồng Quản trị 10. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức họp trực tiếp, hội nghị trực tuyến, qua điện thoại, hình thức nghị sự khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này với điều kiện là khi có thành viên đang ở những địa điểm khác nhau thì mỗi thành viên tham gia họp đều có thể: a. Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng Quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.	Điều 16. Cuộc họp Hội đồng Quản trị 10. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể được tổ chức theo hình thức họp trực tiếp, họp trực tuyến, họp qua điện thoại, hình thức nghị sự khác hoặc kết hợp các hình thức này với điều kiện rằng, trong trường hợp các thành viên tham dự tại những địa điểm khác nhau thì mỗi thành viên tham dự họp phải bảo đảm có thể: a. Nghe được đầy đủ ý kiến phát biểu của tất cả các thành viên khác tham dự cuộc họp; b. Phát biểu và trao đổi ý kiến với các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng Quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.	Điều chỉnh từ ngữ làm rõ
27.	Điểm c Khoản 11 Điều 16	Điều 16. Cuộc họp Hội đồng Quản trị 11. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;	Điều 16. Cuộc họp Hội đồng Quản trị 11. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;	Điều chỉnh từ ngữ
28.	Điểm b và d Khoản 1 Điều 19	Điều 19. Trình báo cáo hằng năm 1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng Quản trị phải trình Đại hội đồng Cổ đông báo cáo sau đây:	Điều 19. Trình báo cáo hằng năm 1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng Quản trị phải trình Đại hội đồng Cổ đông báo cáo sau đây:	Điều chỉnh từ ngữ làm rõ và bổ sung báo cáo do thay đổi cơ cấu tổ chức

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
		b. Báo cáo tài chính; d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.	b. Báo cáo tài chính được kiểm toán; d. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Điều 45 Điều lệ Công ty; và e. Báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng Quản trị của từng thành viên Hội đồng Quản trị độc lập.	
29.	Bỏ Khoản 2 Điều 19	Điều 19. Trình báo cáo hằng năm 2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.		Xóa bỏ do thay đổi cơ cấu tổ chức
30.	Khoản 3 Điều 19	Điều 19. Trình báo cáo hằng năm 3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.	Điều 19. Trình báo cáo hằng năm 2. Báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này, báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.	Xóa bỏ Ban Kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức
31.	Khoản 4, 5 Điều 20	Điều 20. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị 4. Thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị. 5. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị.	Điều 20. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị 4. Thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại Ủy ban kiểm toán, các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị. 5. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị.	Bổ sung Ủy ban kiểm toán do thay đổi cơ cấu tổ chức
32.	Bỏ Điều 24	Điều 24. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát Mối quan hệ giữa Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng Quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.		Xóa bỏ Ban Kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
33.	Bổ sung Điều 24 Dự thảo		<p>Điều 24. Mối quan hệ với Ủy ban kiểm toán</p> <p>1. Hội đồng Quản trị và Ủy ban kiểm toán phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.</p> <p>2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ủy ban kiểm toán, Hội đồng Quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời và thông báo kết quả thực hiện cho Ủy ban kiểm toán trong thời hạn phù hợp.</p>	Bổ sung Ủy ban kiểm toán do thay đổi cơ cấu tổ chức
34.	Điều 25	<p>Điều 25. Hiệu lực thi hành</p> <p>Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm 7 Chương, 25 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 08 năm 2022.</p>	<p>Điều 25. Hiệu lực thi hành</p> <p>Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm bảy (07) Chương, hai mươi lăm (25) Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 04 năm 2026.</p>	Điều chỉnh thay đổi

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**Về việc: Danh sách ứng cử viên thành viên Hội đồng Quản trị
để bầu thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ VI (2026 – 2030)**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 được Quốc hội khóa 15 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Chứng khoán 2019; và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh được thông qua tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/08/2022;
- Nghị quyết số 10/2026/NQ-HĐQT ngày 13/04/2026 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh,

Căn cứ Khoản 2 Điều 31 Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“Công ty”/“HSC”), nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) không quá năm (05) năm; đồng thời, căn cứ Khoản 1 Điều 42 Điều lệ Công ty, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát (“BKS”) là năm (05) năm và nhiệm kỳ V (2021– 2025) của thành viên HĐQT và nhiệm kỳ V (2021– 2025) của thành viên BKS sẽ chấm dứt tại thời điểm kết thúc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (“ĐHĐCĐ”).

Căn cứ Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021 và Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2023 của Đại hội đồng cổ đông Công ty, các thành viên HĐQT và các thành viên BKS có tên dưới đây sẽ hết nhiệm kỳ từ thời điểm kết thúc ĐHĐCĐ năm 2026, được tổ chức vào ngày 23/04/2026.

Hội đồng Quản trị

1. Ông Johan Nyvene – Chủ tịch HĐQT
2. Ông Lê Anh Minh – Phó Chủ tịch HĐQT
3. Ông Lê Hoàng Anh – Thành viên HĐQT
4. Ông Trần Quốc Tú – Thành viên HĐQT
5. Bà Phan Quỳnh Anh – Thành viên HĐQT
6. Ông Andrew Colin Vallis – Thành viên HĐQT độc lập
7. Bà Nguyễn Thị Hoàng Lan – Thành viên HĐQT độc lập

Ban Kiểm soát

1. Bà Đặng Nguyệt Minh – Trưởng BKS
2. Ông Trần Thái Phương – Thành viên BKS
3. Bà Nguyễn Thị Xuân Dung – Thành viên BKS



Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua số lượng thành viên HĐQT của nhiệm kỳ VI (2026 – 2030) và danh sách ứng cử viên thành viên HĐQT nhiệm kỳ VI (2026 – 2030). Chi tiết như sau:

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ VI (2026 – 2030)

Căn cứ nhu cầu thực tế và đánh giá hiệu quả hoạt động của thành viên HĐQT nhiệm kỳ V (2021 – 2025), HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ VI (2026 – 2030) là 08 (tám) thành viên, trong đó gồm 06 (sáu) thành viên HĐQT không điều hành và 02 (hai) thành viên HĐQT độc lập.

2. Danh sách ứng cử viên thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ VI (2026 – 2030)

HĐQT đã thông báo đến Quý Cổ đông về việc thực hiện quyền đề cử, ứng cử hoặc thành lập nhóm đề cử ứng viên đề bầu 08 (tám) thành viên HĐQT nhiệm kỳ VI (2026 – 2030) tại Thông báo đề cử, ứng cử bầu thành viên HĐQT.

Trong thời gian từ ngày 02/04/2026 đến ngày 12/04/2026, HĐQT đã nhận được hồ sơ đề cử của 04 (bốn) ứng cử viên tham gia HĐQT nhiệm kỳ VI (2026 – 2030). Trên cơ sở xem xét hồ sơ và đối chiếu với các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty, HĐQT xác nhận 04 (bốn) ứng cử viên trong danh sách dưới đây đáp ứng đầy đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, đồng thời có đủ năng lực và tư cách để đảm nhiệm chức danh thành viên HĐQT.

1. Ông Lê Anh Minh – Ứng cử viên HĐQT không điều hành
Năm sinh: 1969
Quốc tịch: Việt Nam
2. Bà Đặng Nguyệt Minh – Ứng cử viên HĐQT không điều hành
Năm sinh: 1987
Quốc tịch: Việt Nam
3. Bà Hoàng Thị Hồng Nhung – Ứng cử viên HĐQT không điều hành
Năm sinh: 1981
Quốc tịch: Việt Nam
4. Bà Dương Đỗ Quyên – Ứng cử viên HĐQT không điều hành
Năm sinh: 1971
Quốc tịch: Việt Nam

Do số lượng ứng cử viên HĐQT không đủ số lượng 08 (tám) thành viên, HĐQT đương nhiệm thực hiện giới thiệu thêm 04 (bốn) ứng cử viên có tên dưới đây tham gia ứng cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ VI (2026 – 2030), căn cứ theo Khoản 3 Điều 30 Điều lệ Công ty:

1. Ông Johan Nyvene – Ứng cử viên HĐQT không điều hành
Năm sinh: 1965
Quốc tịch: Hoa Kỳ
2. Bà Phan Quỳnh Anh – Ứng cử viên HĐQT không điều hành
Năm sinh: 1979
Quốc tịch: Việt Nam
3. Ông Andrew Colin Vallis – Ứng cử viên HĐQT độc lập
Năm sinh: 1958
Quốc tịch: Vương quốc Anh



4. Bà Nguyễn Thị Hoàng Lan – Ứng cử viên HĐQT độc lập
Năm sinh: 1964
Quốc tịch: Việt Nam

Như vậy Danh sách ứng cử viên thành viên HĐQT nhiệm kỳ VI (2026 – 2030) như sau:
(tên được sắp xếp theo thứ tự A, B, C và Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên đính kèm)

1. Ông Andrew Colin Vallis – Ứng cử viên Hội đồng Quản trị độc lập
Năm sinh: 1958
Quốc tịch: Vương quốc Anh
2. Bà Phan Quỳnh Anh – Ứng cử viên Hội đồng Quản trị không điều hành
Năm sinh: 1979
Quốc tịch: Việt Nam
3. Ông Johan Nyvene – Ứng cử viên Hội đồng Quản trị không điều hành
Năm sinh: 1965
Quốc tịch: Hoa kỳ
4. Bà Nguyễn Thị Hoàng Lan – Ứng cử viên Hội đồng Quản trị độc lập
Năm sinh: 1964
Quốc tịch: Việt Nam
5. Ông Lê Anh Minh – Ứng cử viên Hội đồng Quản trị không điều hành
Năm sinh: 1969
Quốc tịch: Việt Nam
6. Bà Đặng Nguyệt Minh – Ứng cử viên Hội đồng Quản trị không điều hành
Năm sinh: 1987
Quốc tịch: Việt Nam
7. Bà Hoàng Thị Hồng Nhung – Ứng cử viên Hội đồng Quản trị không điều hành
Năm sinh: 1981
Quốc tịch: Việt Nam
8. Bà Dương Đỗ Quyên – Ứng cử viên Hội đồng Quản trị không điều hành
Năm sinh: 1971
Quốc tịch: Việt Nam

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



JOHAN NYVENE

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vp. HĐQT



SƠ YẾU LÝ LỊCH CỦA CÁC ỨNG CỬ VIÊN

1. DANH SÁCH CÁC ỨNG CỬ VIÊN

Stt	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Quốc tịch	Trình độ chuyên môn	Chức vụ quản lý tại công ty khác	Lợi ích liên quan với HSC và các bên có liên quan với HSC
1	Andrew Colin Vallis	Nam	1958	Vương quốc Anh	Cử nhân Luật (Bằng Danh dự), Viện Kế toán công chứng ở Anh và xứ Wales	<ul style="list-style-type: none">- Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành Beta Media JSC;- Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành Beta Holdings JSC.	<ul style="list-style-type: none">- Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập Công ty CP Chứng khoán TP. HCM (HSC) – Nhiệm kỳ V (2021– 2025);- Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành Beta Media JSC;- Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành Beta Holdings JSC.
2	Phan Quỳnh Anh	Nữ	1979	Việt Nam	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	<ul style="list-style-type: none">- Chánh văn phòng Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC);- Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Đầu tư Y tế Sài Gòn (MECO);- Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (CHOLIMEX).	<ul style="list-style-type: none">- Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành Công ty CP Chứng khoán TP. HCM (HSC) – Nhiệm kỳ V (2021– 2025);- Đại diện vốn của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC);- Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Đầu tư Y tế Sài Gòn (MECO);- Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (CHOLIMEX).
3	Johan Nyvene	Nam	1965	Hoa kỳ	Cử nhân Tài chính ngân hàng	<ul style="list-style-type: none">- Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ	<ul style="list-style-type: none">- Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Chứng khoán TP.

Stt	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Quốc tịch	Trình độ chuyên môn	Chức vụ quản lý tại công ty khác	Lợi ích liên quan với HSC và các bên có liên quan với HSC
						Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM); - Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nafoods Group (NFG).	HCM (HSC) – Nhiệm kỳ V (2021– 2025); - Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM); - Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nafoods Group (NFG).
4	Nguyễn Thị Hoàng Lan	Nữ	1964	Việt Nam	Thạc sỹ Quan hệ Kinh tế Quốc tế	- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Hoàn Cầu Decor.	- Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập Công ty CP Chứng khoán TP. HCM (HSC) – Nhiệm kỳ V (2021– 2025); - Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Hoàn Cầu Decor.
5	Lê Anh Minh	Nam	1969	Việt Nam	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh	- Giám đốc Dragon Capital Markets Limited (DC). - Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM).	- Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Chứng khoán TP. HCM (HSC) – Nhiệm kỳ V (2021– 2025); - Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM); - Đại diện vốn của Dragon Capital Markets Limited (DC).
6	Đặng Nguyệt Minh	Nữ	1987	Việt Nam	Cử nhân Kinh tế	- Trưởng Bộ phận Nghiên cứu Công ty Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM).	- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Chứng khoán TP. HCM (HSC) – Nhiệm kỳ V (2021– 2025); - Trưởng Bộ phận Nghiên cứu Công ty Công ty Cổ phần

Stt	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Quốc tịch	Trình độ chuyên môn	Chức vụ quản lý tại công ty khác	Lợi ích liên quan với HSC và các bên có liên quan với HSC
							Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM).
7	Hoàng Thị Hồng Nhung	Nữ	1981	Việt Nam	Cử nhân Kinh tế Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Trưởng Phòng Kế hoạch & Nghiên cứu phát triển Công ty Đầu tư Tài Chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh (HFIC); - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trưởng Phòng Kế hoạch & Nghiên cứu phát triển Công ty Đầu tư Tài Chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh (HFIC); - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông.
8	Dương Đỗ Uyên	Nữ	1971	Việt Nam	Thạc sỹ Thương mại	<ul style="list-style-type: none"> - Giám Đốc – Quản Lý Đầu Tư Tư Nhân tại Dragon Capital Group; - Trưởng Đại Diện, Văn Phòng Đại Diện VNRO Pte. Ltd. tại Thành Phố Hồ Chí Minh; - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời VSP Bình Thuận II; - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Năng Lượng VN Green; - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đức Thành Mũi Né; - Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tăng tốc Khởi nghiệp Sáng tạo Việt Nam. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giám Đốc – Quản Lý Đầu Tư Tư Nhân tại Dragon Capital Group; - Trưởng Đại Diện, Văn Phòng Đại Diện VNRO Pte. Ltd. tại Thành Phố Hồ Chí Minh; - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời VSP Bình Thuận II; - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Năng Lượng VN Green; - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đức Thành Mũi Né; - Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tăng tốc Khởi nghiệp Sáng tạo Việt Nam.

2. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CỦA ỨNG CỬ VIÊN

2.1. Quá trình công tác của Ông Andrew Colin Vallis

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công việc
04/2021 – nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSC)	- Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập
2018 – nay	Blue Vn One Limited, Hong Kong	- Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành Beta Media JSC - Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành Beta Holdings JSC
2013 – 2017	Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB), HCMC Vietnam	- Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị điều hành - Chủ tịch Tiểu ban Rủi ro - Chủ tịch Tiểu ban Chiến lược - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Chứng khoán ACB - Trưởng nhóm đặc phái viên gồm Giám đốc Tài chính, Giám đốc Quản trị rủi ro, Giám đốc Thông tin
2002 – 2016	Ngân hàng Standard Chartered, HCMC Việt Nam, Hong Kong, London, Singapore	- Giám đốc Điều hành - Đặc phái viên tại Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) - Giám đốc Khối Phát triển Kinh doanh Cổ phiếu toàn cầu - Giám đốc Khối Quan hệ khách hàng khu vực Châu Âu - Đồng Giám đốc Khối Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp toàn cầu
1987 – 2002	Barclays Capital/ BZW tại Singapore, Malaysia, Hong Kong	- Giám đốc vùng tại Singapore, Malaysia, Thailand - Giám đốc Khối Tài chính Doanh nghiệp tại Hong Kong, Singapore - Chuyên viên phân tích cao cấp
1981 – 1987	PWC tại London, Hongkong	- Chủ nhiệm Kiểm toán

2.2. Quá trình công tác của Bà Phan Quỳnh Anh

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công việc
04/2023 – nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSC)	Thành viên Hội đồng Quản trị
11/2025 – nay	Công ty Đầu tư Tài Chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh (HFIC)	Chánh Văn phòng
2011 – 11/2025	Công ty Đầu tư Tài Chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh (HFIC)	Phó Phòng Kế toán
06/2007 – 2011	Quỹ Đầu tư phát triển đô thị TP. HCM (HIFU)	Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán
05/2006 – 05/2007	Quỹ Đầu tư phát triển đô thị TP. HCM (HIFU)	Chuyên viên Phòng Đầu tư
2004 – 2006	Khách sạn Sheraton	Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán

2.3. Quá trình công tác của Ông Johan Nyvene

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công việc
04/2021 – nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSC)	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2011 – 04/2021	Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSC)	Thành viên Hội đồng Quản trị
12/2020 – nay	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM)	Thành viên Hội đồng Quản trị
05/2020 – nay	Công ty Cổ phần Nafoods Group (NFG)	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập
03/2020 – 04/2021	Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSC)	Thành viên Hội đồng Quản trị
2007 – 02/2020	Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSC)	Tổng Giám đốc
2005 – 2007	Chi nhánh Ngân hàng HSBC Hà Nội	Giám đốc Chi nhánh

2.4. Quá trình công tác của Bà Nguyễn Thị Hoàng Lan

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công việc
04/2021 – nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSC)	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSC)
2016 – 2019	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Điều hành
2012 – 2016	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
2009 – 2012	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	Phó Tổng Giám đốc
2007 – 2009	Trung tâm Giao dịch Chứng khoán	Phó Giám đốc
2004 – 2007	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế
2003 – 2004	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công việc
1997 – 2003	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	- Chuyên viên, thành viên trong nhóm cán bộ đầu tiên của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước - Trưởng phòng Đào tạo - Vụ Tổ chức cán bộ và Đào tạo
1989 – 1993	Ngân hàng Nhà nước	Chuyên viên Phòng Quản lý phát hành - Vụ Quản lý phát hành và kho quỹ

2.5. Quá trình công tác của Ông Lê Anh Minh

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công việc
2011 – nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSC)	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2007 – 04/2011	Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSC)	Thành viên Hội đồng Quản trị
04/2021 – nay	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM)	Thành viên Hội đồng Quản trị
2018 – 03/ 2021	Văn phòng Đại diện Dragon Capital Management (HK) Ltd tại TP. Hồ Chí Minh	Cố vấn cấp cao
2016 – 2017	Dragon Capital Group (DCG)	Tổng Giám đốc
2007 – 2015	Văn phòng Đại diện Dragon Capital Group (DCG) tại TP. Hồ Chí Minh	Giám đốc Tài chính
2002 – 2006	Văn phòng Đại diện Dragon Capital Limited (DC) tại TP. Hồ Chí Minh	Giám đốc Tài chính
1998 – 2002	Công ty Coca Cola Đông Nam Á	Giám đốc Tài chính
1993 – 1996	Ngân hàng TMCP Đại Nam	Phó Tổng Giám đốc
1991 – 1993	Công ty Peregrine Việt Nam	Giám đốc Dự án

2.6. Quá trình công tác của Bà Đặng Nguyệt Minh

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công việc
06/2024 – nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSC)	Trưởng Ban Kiểm soát
04/2016 – 06/2024	Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSC)	Thành viên Ban Kiểm soát
04/2021 – nay	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Dragon Capital Việt Nam (DCVFM)	- Trưởng Bộ phận Nghiên cứu - Chuyên viên phân tích cao cấp

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công việc
2017 – 03/2021	Văn phòng Đại diện Dragon Capital Management (HK) Limited tại TP. Hồ Chí Minh	Chuyên viên Phân tích đầu tư
2009 – 2016	Văn phòng Đại diện Dragon Capital Group (DCG) tại TP. Hồ Chí Minh	Chuyên viên Phân tích đầu tư

2.7. Quá trình công tác của Bà Hoàng Thị Hồng Nhung

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công việc
2011 – nay	Công ty Đầu tư Tài Chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh (HFIC)	- Phó trưởng phòng: <ul style="list-style-type: none"> Phòng Đầu tư (2011–7/2012); Phòng Quản lý & Kinh doanh vốn (7/2012–3/2017); Phòng Kế hoạch & Nghiên cứu phát triển (4/2017–4/2018); Phòng Pháp chế (4/2018–10/2019). - Trưởng phòng: <ul style="list-style-type: none"> Phòng Kế hoạch & Nghiên cứu phát triển (từ 11/2019 đến nay)
2006 – 2010	Quỹ Đầu tư phát triển đô thị TP. HCM (HIFU)	- Chuyên viên: <ul style="list-style-type: none"> Phòng Quản trị Nguồn nhân lực; Phòng Đầu tư
2013 – nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông	- Chủ tịch Hội đồng Quản trị (4/2017 – nay); - Thành viên Hội đồng Quản trị (9/2013 – 3/2017).
4/2023 – 4/2026	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu & Đầu tư Chợ Lớn (CHOLIMEX)	Thành viên Hội đồng Quản trị
2015 – 2020	Quỹ Phát triển Đất Thành phố Hồ Chí Minh	Trưởng Ban Kiểm soát
3/2012 – 3/2014	Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức	Thành viên Ban Kiểm soát
2003 - 2004	Văn phòng đại diện Công ty WRIGLEY Asia Ltd.	Trợ lý Giám đốc Phát triển Kinh doanh

2.8. Quá trình công tác của Bà Dương Đỗ Quyên

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công việc
2010 – nay	Dragon Capital Group	Giám Đốc, Quản Lý Đầu Tư Tư Nhân
2021 – nay	Văn Phòng Đại Diện VNRO Pte. Ltd. tại Thành Phố Hồ Chí Minh	Trưởng Đại diện
07/2023 - nay	Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời VSP Bình Thuận II	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
11/2018 - nay	Công ty Cổ phần Năng Lượng VN Green	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
11/2018 - nay	Công ty Cổ phần Đức Thành Mũi Né	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
01/2019 - nay	Công ty Cổ phần Tăng tốc Khởi nghiệp Sáng tạo Việt Nam	Thành viên Hội đồng Quản trị
2009 – 2010	Lombard Investments	Đại diện tại Việt Nam
2003 - 2008	Mekong Capital Ltd.	Giám Đốc, Quản Lý Danh Mục





HƯỚNG DẪN

BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

MỤC 1: CÁC CHỮ VIẾT TẮT VÀ GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

- HSC:** Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- Cổ đông:** Cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của HSC được xác định trong danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam lập ngày 25/03/2026
- Đại hội:** Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2026 của HSC
- Điều lệ:** Điều lệ hiện hành của HSC ban hành ngày 08/08/2022
- Quy chế quản trị:** Quy chế nội bộ về quản trị công ty của HSC ban hành ngày 08/08/2022
- Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị:** Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị của HSC ban hành ngày 08/08/2022
- Ban Tổ chức:** Ban Tổ chức gồm các thành viên được HSC đề cử để thực hiện các công việc liên quan đến việc tổ chức Đại hội
- Ban Chủ tọa:** Ban Chủ tọa gồm Chủ tọa và các thành viên do Hội đồng Quản trị đề cử và được Đại hội thông qua. Ban Chủ tọa có nhiệm vụ điều khiển Đại hội theo chương trình họp đã được Đại hội thông qua.
- Hệ thống:** Là phần mềm tổ chức Đại hội trực tuyến và phần mềm bỏ phiếu điện tử tại địa chỉ <https://agm.hsc.com.vn>.

MỤC 2: THÔNG TIN BẦU CỬ

- Đại hội tiến hành bầu thành viên Hội đồng Quản trị.
- Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ VI (2026 – 2030).
- Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị được bầu: 08 thành viên.
- Hình thức biểu quyết: Cổ đông thực hiện biểu quyết thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống.
- Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng Quản trị phải phù hợp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị.

MỤC 3: CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN

(Mục này trích dẫn các quy định liên quan của Điều lệ, Quy chế quản trị, Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị)

- Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng Quản trị**
 - Không thuộc đối tượng không được thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc một trong các lĩnh vực về chứng khoán, tài chính, ngân hàng, pháp luật và không nhất thiết phải là Cổ đông của HSC.
 - Không phải là tổng giám đốc, giám đốc, thành viên hội đồng quản trị, thành viên hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác.

- Không được từng là thành viên hội đồng quản trị hoặc đại diện theo pháp luật của một công ty bị phá sản hoặc bị cấm hoạt động do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng.
- Riêng đối với thành viên độc lập HĐQT, ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện chung đối với thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:
 - Không phải là người đang làm việc cho HSC hoặc công ty con của HSC;
 - Không phải là người đã từng làm việc cho HSC hoặc công ty con của HSC ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ HSC, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;
 - Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của HSC (sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty); là người quản lý của HSC hoặc công ty con của HSC;
 - Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của HSC;
 - Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát của HSC ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
 - Không phải là người được bầu làm thành viên độc lập HĐQT của HSC liên tục 02 nhiệm kỳ liền trước.
- Riêng đối với thành viên HĐQT không điều hành, ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện chung đối với thành viên HĐQT, thành viên HĐQT không điều hành còn phải đáp ứng điều kiện sau: Không phải là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

2. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị

- Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị được quy định như sau:
 - Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên vào Hội đồng Quản trị;
 - Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên Hội đồng Quản trị;
 - Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên Hội đồng Quản trị;
- Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng Quản trị, HSC phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của HSC để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của HSC nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm:
 - Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - Trình độ chuyên môn;
 - Quá trình công tác;
 - Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng Quản trị của Công ty khác);
 - Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty.

- Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử, ứng cử theo Mục 2 Điểm 3 nêu trên vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định của pháp luật, Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên theo trình tự, thủ tục quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị. Việc Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị.

MỤC 4: HỒ SƠ ỨNG VIÊN

1. Các tài liệu, giấy tờ

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm:

- Đơn xin ứng cử (Mẫu 1)/ đề cử (Mẫu 2) tham gia Hội đồng Quản trị;
- Văn bản ủy quyền thành lập nhóm cổ đông (Mẫu 3);
- Bản cung cấp thông tin (Mẫu 4);
- Bản sao hợp lệ:
 - Căn cước/ Căn cước công dân/ Hộ chiếu;
 - Các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn.
- Giấy ủy quyền đề cử hợp lệ (trong trường hợp cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử);
- Văn bản cam kết với nội dung (Mẫu 5): Cam kết về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị.

2. Thời hạn và địa chỉ nhận hồ sơ

Hồ sơ tham gia ứng cử/ đề cử phải được gửi về Ban tổ chức Đại hội trước 16:00 ngày 12/04/2026 theo địa chỉ sau đây:

Ban Tổ chức Đại hội cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Tầng 5, Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: (+84) 28 3823 3299 Fax: (+84) 28 3823 3301 Email: agm@hsc.com.vn

3. Hợp lệ và đúng hạn

Hồ sơ ứng viên chỉ được coi là hợp lệ nếu:

- Bao gồm đầy đủ các giấy tờ, tài liệu hợp lệ nêu trên.
- Được gửi đến Ban Tổ chức Đại hội trước thời hạn nêu trên.

4. Lập danh sách

- Ban Tổ chức Đại hội không xem xét giải quyết các trường hợp đề nghị ứng cử, đề cử không hợp lệ (không đủ giấy tờ hoặc gửi về sau thời hạn).
- Ban Tổ chức Đại hội lập danh sách những ứng viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên Hội đồng Quản trị và công bố danh sách này tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.

MỤC 5: BẦU CỬ

1. Nguyên tắc bầu cử

- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu

nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

- Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ 08 (tám) thành viên Hội đồng Quản trị.
- Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại trong các ứng cử có phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

2. Nguyên tắc bỏ phiếu bầu cử và kiểm phiếu bầu cử

- Cổ đông sử dụng tài khoản truy cập tại Hệ thống để thực hiện bầu thành viên Hội đồng Quản trị. Sau khi lựa chọn, Cổ đông tiến hành xác nhận biểu quyết để Hệ thống ghi nhận kết quả.
- Việc bỏ Phiếu bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị qua Hệ thống được bắt đầu và kết thúc theo thông báo của Chủ tọa tại cuộc họp. Kể từ thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử, việc bỏ phiếu trên Hệ thống sẽ bị đóng, và Cổ đông không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã bỏ phiếu.
- Trường hợp Cổ đông đã biểu quyết nhưng muốn thay đổi ý kiến thì phải thực hiện thay đổi ý kiến trước thời điểm kết thúc biểu quyết. Ý kiến biểu quyết sau cùng được Hệ thống ghi nhận trước thời điểm kết thúc biểu quyết là ý kiến hợp lệ và được ghi nhận vào kết quả kiểm phiếu.
- Cổ đông khi gặp vấn đề, sự cố về việc bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống có thể liên lạc Ban Tổ chức Đại hội để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu bầu cử. Trong trường hợp vì lý do hạn chế trong việc sử dụng công nghệ của cổ đông, Cổ đông này có thể yêu cầu biểu quyết bằng phiếu biểu quyết giấy. Ban Tổ chức sẽ hỗ trợ nhập nội dung biểu quyết vào Hệ thống trước sự chứng kiến của Cổ đông này.
- Kết quả bỏ phiếu điện tử được hệ thống ghi nhận ngay tại thời điểm Cổ đông hoàn tất việc biểu quyết, chỉ phần số phiếu chưa thực hiện bầu mới bị ảnh hưởng đến tỷ lệ biểu quyết; số phiếu đã được Cổ đông ghi nhận cho các ứng viên trước thời điểm gián đoạn vẫn được hệ thống bảo lưu đầy đủ, hợp lệ và không bị thay đổi. Trong trường hợp Đại hội tiếp tục diễn ra trực tiếp, Cổ đông thực hiện bầu đối với các ứng viên còn lại bằng phiếu bầu giấy tại Đại hội, theo hướng dẫn của Đoàn Chủ tọa và Ban Tổ chức.
- Việc kiểm phiếu được thực hiện ngay sau khi kết thúc thời gian bỏ phiếu điện tử bầu thành viên Hội đồng quản trị. Kết quả kiểm phiếu phải được lập thành biên bản, có xác nhận của Ban Kiểm phiếu và được Trưởng Ban Kiểm phiếu công bố công khai trước Đại hội.

3. Phương thức bầu cử

- Danh sách ứng cử viên Hội đồng Quản trị được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.
- Phương thức bầu cử:
 - Thực hiện theo Phương thức bầu dồn phiếu: Theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
 - Mỗi Cổ đông tham dự Đại hội được cấp một Phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị tương ứng với tổng số phiếu bầu hợp lệ của mình. Cổ đông có quyền lựa chọn một trong các phương thức bầu cử sau: (i) dồn toàn bộ số phiếu bầu cho một ứng viên; (ii) phân bổ số phiếu bầu cho một hoặc một số ứng viên theo số lượng cụ thể; hoặc (iii) phân bổ đều số phiếu bầu cho các ứng viên được lựa chọn. Sau khi hoàn tất việc lựa chọn, Cổ đông thực hiện xác nhận để Hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả bầu cử.

- Phiếu bầu hợp lệ: Là phiếu của Cổ đông bầu không vượt quá số ứng viên cần bầu hoặc không vượt quá tổng số phiếu được phép bầu và phiếu bầu không thuộc các trường hợp không hợp lệ.
- Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:
 - Vượt quá số ứng viên cần bầu;
 - Vượt quá tổng số phiếu được phép bầu;
 - Phiếu để trống, không thực hiện chọn bất kỳ ứng cử viên nào.

4. Thời điểm biểu quyết:

- Từ ngày 13/04/2026 đến trước khi khai mạc Đại hội: Cổ đông truy cập Hệ thống thực hiện biểu quyết bằng cách bỏ phiếu điện tử.
- Tại Đại hội: Cổ đông biểu quyết bằng cách bỏ phiếu điện tử.

5. Công bố kết quả

Kết quả biểu quyết được trích xuất từ Hệ thống sẽ được Ban Chủ tọa công bố. Diễn biến và kết quả sẽ được ghi nhận tại Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo thủ tục chung.



Trang chủ / Phát sóng đại hội

(🔒) Thông báo:

.hsc

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Ngày 23 tháng 04 năm 2026

sẽ diễn ra trong

21 22 18 30
ngày giờ phút giây

Biểu quyết & Bầu cử

Xuất phiếu Đóng

Phiếu đang được mở

Bầu Thành viên HĐQT

Bùi Huyền My
Số ĐKSH: TEST4

Số cổ phần bầu tối đa	72,000
Tổng số cổ phần đã bầu	72,000
Số cổ phần còn lại	0

Danh sách ứng viên

Số ứng viên được bầu tối đa: 8

☒ Chia đều số cổ phần cho tất cả ứng viên được chọn

<input checked="" type="checkbox"/> 1. Nguyễn Văn A	9,000
<input checked="" type="checkbox"/> 2. Nguyễn Văn B	9,000
<input checked="" type="checkbox"/> 3. Nguyễn Văn C	9,000
<input checked="" type="checkbox"/> 4. Nguyễn Văn D	9,000
<input checked="" type="checkbox"/> 5. Nguyễn Văn E	9,000
<input checked="" type="checkbox"/> 6. Nguyễn Văn G	9,000
<input checked="" type="checkbox"/> 7. Nguyễn Văn H	9,000
<input checked="" type="checkbox"/> 8. Nguyễn Văn K	9,000

Gửi phiếu